

ÚC-CA LA VIỆT VẤN BỒ TÁT HẠNH KINH

Đại Chánh (Taisho) vol. 12, no. 323

Hán dịch: Trúc Pháp Hộ

Phiên âm & Lược dịch: Nguyễn Tánh & Nguyễn Hiền

Hiệu đính: Thích nữ Hạnh Giải (12-2006)



Tuệ Quang Wisdom Light Foundation

PO Box 91748, Henderson, NV 89009

Website <http://www.daitangvietnam.com>

Email info@daitangvietnam.com

【經文資訊】大正新脩大藏經 第十二冊 No. 323 《郁迦羅越問菩薩行經》

【Kinh văn tu tấn】Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh đệ thập nhị sách No. 323 《Úc-ca-la-việt vấn Bồ-tát hạnh Kinh》

【Kinh văn tu tấn】Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh thứ mười hai sách No. 323 《Úc-ca-la-việt hỏi Bồ-tát hạnh Kinh》

【版本記錄】CBETA 電子佛典 V1.10 (UTF-8) 普及版, 完成日期: 2004/11/20

【bản bản kí lục】CBETA điện tử Phật Điển V1.10 (UTF-8) phổ cập bản, hoàn thành nhật kỳ: 2004/11/20

【bản gốc kí lục】CBETA điện tử Phật Điển V1.10 (UTF-8) khắp cùng bản, hoàn thành ngày: 2004/11/20

【編輯說明】本資料庫由中華電子佛典協會 (CBETA) 依大正新脩大藏經所編輯

【biên tập thuyết minh】bản tu liệu khổ do Trung Hoa điện tử Phật Điển hiệp hội (CBETA) y Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh sở biên tập

【biên tập thuyết minh】gốc tu liệu kho bởi Trung Hoa điện tử Phật Điển hiệp hội (CBETA) nương Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh biên tập

【原始資料】蕭鎮國大德提供, 維習安大德提供之高麗藏 CD 經文, 北美某大德提供

【nguyên thủy tu liệu】Tiêu-Trần-Quốc Đại Đức đề cung, Duy-Tập-An Đại Đức đề cung chi cao lệ tạng CD Kinh văn, Bắc-Mỹ-Mỗ Đại Đức đề cung

【nguyên thủy tu liệu】Tiêu-Trần-Quốc Đại-Đức đề cung, Duy-Tập-An Đại-Đức đề cung chi cao lệ tạng CD Kinh văn, Bắc-Mỹ-Mỗ Đại-Đức đề cung

【其它事項】本資料庫可自由免費流通, 詳細內容請參閱【中華電子佛典協會資料庫基本介紹】(<http://www.cbета.org/result/cbintr.htm>)

【kỳ tha sự hạng】bản tu liệu khổ khả tự do miễn phí lưu thông, tường tế nội dung thỉnh tham duyệt 【Trung Hoa điện tử Phật Điển hiệp hội tu liệu khổ cơ bản giới thiệu】(<http://www.cbета.org/result/cbintr.htm>)

【kỳ tha sự hạng】gốc tu liệu kho có thể tự do miễn phí lưu thông, rõ ràng nhỏ nội dung thỉnh tham duyệt 【Trung Hoa điện tử Phật Điển hiệp hội tu liệu kho nền nhà gốc giới thiệu】(<http://www.cbета.org/result/cbintr.htm>)

郁迦羅越問菩薩行經

Úc-ca-la-việt vấn Bồ-tát hạnh Kinh

Kinh Úc-ca-la-việt Vấn Bồ-tát Hạnh

西晉月支國三藏竺法護譯

Tây Tấn Nhục Chi quốc Tam Tạng Trúc Pháp Hộ dịch

Đời Tây Tấn, Tam tạng Pháp sư Trúc Pháp Hộ người Nhục Chi dịch.

上上品第一

Thượng sĩ phẩm đệ nhất
Phẩm thứ nhất: Thượng Sĩ

聞如是。

Văn như thị。

Nghe như vậy,

一時佛遊舍衛國祇樹之園給孤獨精舍。與大比丘眾千二百五十人。慈氏菩薩。

Nhất thời Phật du Xá-vệ quốc Kỳ-Thọ chi viên Cấp cô độc Tịnh xá. Dữ Đại bi khâu chúng thiên nhị bách ngũ thập nhân. Từ thị Bồ-tát.

Một thuở nọ, đức Phật du hóa tại nước Xá-vệ, vườn Kỳ-đà, tịnh xá Cấp-cô-độc cùng với Đại chúng Tỳ kheo một ngàn hai trăm năm mươi vị cùng với Bồ-tát Di-lặc, 軟首菩薩。除惡菩薩。

Nhuyễn thù Bồ-tát. Trừ ác Bồ-tát.

Bồ-tát Nhuyễn Thù, Bồ-tát Trừ Ác.

光世音菩薩等五千人俱。爾時世尊。與無央數百千之眾圍遶說法。

Quang thế âm Bồ-tát đẳng ngũ thiên nhân câu. Nhĩ thời Thế tôn. Dữ vô ương số bách thiên chi chúng vi nhiều thuyết Pháp.

Bồ-tát Quang Thế Âm v.v.. đủ năm ngàn người. Lúc bấy giờ Thế Tôn cùng với vô số trăm ngàn người tụ hội trong buổi thuyết Pháp.

於是舍衛大城中有豪長者。名曰郁迦。

Ư thị Xá-vệ Đại thành trung hữu hào Trưởng giả. Danh viết Úc-ca.

Ở trong Đại thành Xá-vệ, có một vị Trưởng giả giàu có tên Úc-ca

與好憲長者。好歎長者。善施長者。有量長者。

Dữ hào hi Trưởng giả. Hào thán Trưởng giả. Thiện thí Trưởng giả. Hữu lượng Trưởng giả.

cùng với Trưởng giả Hào Hỷ, Trưởng giả Hào Thán, Trưởng giả Thiện Thí, Trưởng giả Hữu Lượng

所樂長者。常名聞長者。施名聞長者。

Sở lạc Trưởng giả. Thường Danh-Văn Trưởng giả. Thí Danh-Văn Trưởng giả.

Trưởng giả Sở Lạc, Trưởng giả Thường Danh Văn, Trưởng giả Thí Danh Văn

有名聞長者。善財長者。遵行長者。給孤獨長者。

Hữu Danh Văn Trưởng giả. Thiện Tài Trưởng giả. Tuân Hành Trưởng giả. Cấp Cô Độc Trưởng giả.

Trưởng giả Hữu Danh Văn, Trưởng giả Thiện Tài, trưởng giả Tuân Hành, Trưởng giả Cấp Cô Độc

賓禱長者。寵具足長者。審量長者俱。

Tân Kỳ Trưởng giả. Sùng Cụ Túc Trưởng giả. Thẩm Lượng Trưởng giả câu.

Trưởng giả Tân Kỳ, Trưởng giả Sùng Cụ Túc, Trưởng giả Thẩm Lượng

一一長者與五百眷屬共出舍衛大城。

Nhất nhất Trưởng giả dữ ngũ bách quyển thuộc cộng xuất Xá-vệ Đại thành.

Mỗi vị Trưởng giả cùng với năm trăm quyển thuộc, cùng nhau ra khỏi Đại thành Xá-vệ,

往詣佛所稽首佛足。遶佛三匝却坐一面。

Vãng nghê Phật sở khê thủ Phật túc. Nhiều Phật tam tạp khuốc tọa nhất diện.

đến chỗ đức Phật, đánh lễ chân Phật, nhiều quanh Phật ba vòng rồi trở về ngồi một bên.

皆志大乘殖眾德本。悉有決於無上正真之道。

Giai chí Đại thừa thực chúng đức bản. Tất hữu quyết u vô thượng chánh chân chi đạo.

Tất cả đều ở nơi chí Đại thừa trồng nhiều công đức, đều có thể quyết định thành đạo Vô Thượng Chánh Chân.

於時郁迦見諸長者正士之會。承佛威神從坐起整衣服。

Ư thời Úc-ca kiến chư Trưởng giả chánh sĩ chi hội. Thừa Phật uy thần tùng tọa khởi chỉnh y phục.

Lúc ấy Úc-ca thấy sự hội họp đông đủ các vị Trưởng giả, liền nương oai lực của Phật, từ chỗ ngồi đứng dậy sửa y phục,

叉手長跪白佛言。願欲有所問。唯天中天。

Xoa thủ trường quy bạch Phật ngôn. Nguyên dục hữu sở vấn. Duy Thiên trung Thiên. quỳ gối chấp tay bạch Phật rằng: Con có chỗ muốn hỏi, duy nguyện Thế Tôn

以善權方便哀為解說。佛告長者。所欲便問。

Dĩ thiện quyền phương tiện ai vi giải thuyết. Phật cáo Trưởng giả. Sở dục tiện vấn.

dùng phương tiện quyền xảo xót thương vì con giải rõ. Phật dạy: Có điều gì cần hỏi cứ hỏi,

吾當發遣令汝歡喜。郁迦白佛言。

Ngô đương phát khiển lệnh nhữ hoan hỷ. Úc-ca bạch Phật ngôn.

Ta sẽ vì người mà nói khiến người hoan hỷ. Úc-ca bạch Phật:

若有善男子善女人。發無上正真道意。

Nhược hữu thiện nam tử Thiện Nữ Nhân. Phát vô thượng chánh chân đạo ý.

Nếu có người thiện nam kẻ thiện nữ nào, phát tâm Vô Thượng Chánh Chân

問佛無數之慧。學於大乘。願住大乘。勸助大乘。

Vấn Phật vô số chi tuệ. Học ư Đại thừa. Nguyên trụ Đại thừa. Khuyến trợ Đại thừa.

muốn học trí huệ vô lượng nơi Phật. Học theo Đại thừa, nguyện trú Đại thừa, khuyến phát Đại thừa.

乘於大乘。解了大乘。請一切人等安一切。

Thừa ư Đại thừa. Giải liễu Đại thừa. Thỉnh nhất thiết nhân đẳng an nhất thiết.

Nương vào Đại thừa, hiểu rõ Đại thừa, cầu tất cả mọi người đều được an ổn,

救護一切為大乘鎧。其未度者我當度之。

Cứu hộ nhất thiết vi Đại thừa khải. Kỳ vị độ giả ngã đương độ chi.

cứu hộ tất cả mọi người phát khởi Đại thừa, người nào chưa độ ta sẽ độ,

未脫者我當脫之。未安者我當安之。

Vị thoát giả ngã đương thoát chi. Vị an giả ngã đương an chi

người nào chưa giải thoát ta sẽ giải thoát, người nào chưa an ta sẽ làm cho được an,

未般泥洹者我當令般泥洹。我當除一切人之重擔。

Vị bát nê hoàn giả ngã đương lệnh bát nê hoàn. Ngã đương trừ nhất thiết nhân chi trọng đư.

người nào chưa chứng Niết-bàn ta sẽ làm cho chứng Niết-bàn. Ta sẽ trừ tất cả những gánh nặng cho mọi người,

志願無上之僧那見。無量生死諸惡瑕隙心不穢厭。

Chí nguyện vô thượng chi tăng na kiến. Vô lượng sanh tử chư ác hà khích tâm bất uế yếm.

chí thệ nguyện ở đạo vô thượng, nguyện vô lượng kiếp sanh tử, những lỗi lầm ác nghiệp tâm không nhàm chán,

無央數劫周旋塵勞其心不捨。

Vô ương số kiếp châu toàn trần lao kỳ tâm bất xả.

vô số kiếp trần lao doanh vây tâm không xả bỏ,

若求菩薩道在家出家。欲具足佛法。

Nhược cầu Bồ-tát đạo tại gia xuất gia. Dục cụ túc Phật Pháp.
hoặc cầu đạo Bồ-tát tại gia xuất gia, muốn đầy đủ Phật pháp,

善加哀於諸天人民。以此大乘將養一切。不斷三寶之教。

Thiện gia ai ư chư Thiên nhân dân. Dĩ thử Đại thừa tướng dưỡng nhất thiết. Bất đoạn Tam Bảo chi giáo.

khéo tăng thêm lòng thương xót đối với chư Thiên, loài người. Đem Đại thừa đó nuôi lớn tất cả. Không ngừng học hỏi giáo lý Tam Bảo

久住於一切之智。欲具足此慧。唯願世尊。

Cửu trụ ư Nhất thiết chi trí. Dục cụ túc thử tuệ. Duy nguyện Thế tôn.

trụ lâu dài trong Nhất thiết trí, muốn đầy đủ tuệ ấy. Cúi xin Thế Tôn

說居家菩薩戒德之法。諦行如來教。

Thuyết cư gia Bồ-tát giới đức chi Pháp. Đề hành Như Lai giáo.

nói về giới đức của Bồ-tát tại gia, khiến người nghe được lời dạy của Như Lai
至不退轉成無上正真道。

Chí bất thối chuyển thành vô thượng chánh chân đạo.

đạt Bất thối chuyển, thành đạo Vô Thượng Chánh Chân.

今世後世所至之處與眾卓異。及出家菩薩。棄捐愛慾篤信守道。

Kim thế hậu thế sở chí chi xứ dữ chúng trác dị. Cập xuất gia Bồ-tát. Khí quyên ái dục đốc tín thù đạo.

Đời này đời sau đạt đến chỗ ấy, cùng mọi người vươn lên. Như Bồ-tát xuất gia xả bỏ ái dục có lòng tin giữ đạo,

剃除鬚髮去為比丘樂受禁戒。

Thế trừ tu phát khứ vi i khâu lạc thọ cấm giới.

cạo bỏ râu tóc làm vị Tỳ-kheo vui thọ giới cấm,

行法行善行正。唯天中天。居家菩薩所住云何。

Hành Pháp hành thiện hành chánh. Duy Thiên trung Thiên. Cư gia Bồ-tát sở trụ vân hà.

thực hành giáo pháp, làm lành, làm điều chơn chánh. Kính bạch đấng Đạo Sư của Trời người: Bồ-tát tại gia an trú ở nơi nào?

其出家者所住云何。佛告郁迦。善哉善哉。

Kỳ xuất gia giả sở trụ vân hà. Phật cáo Úc-ca. Thiện tai Thiện tai.

Bồ-tát xuất gia an trú ở nơi nào? Phật dạy Úc-ca: Lành thay! Lành thay!

長者乃能發意。廣問如來如此之義。

Trưởng giả nãi năng phát ý. Quảng vấn Như Lai như thử chi nghĩa.

Trưởng giả có thể phát khởi ý nghĩ mà hỏi Như Lai nghĩa như vậy,

長者諦聽善思念之。

Trưởng giả đề thính thiện tư niệm chi.

Trưởng giả hãy lắng nghe rồi khéo suy nghĩ đó.

吾當為汝解說居家出家菩薩戒德精進所積之行。於是郁迦。受教而聽。

Ngô đương vi nhữ giải thuyết cư gia xuất gia Bồ-tát giới đức tinh tấn sở tích chi hành. Ư thị Úc-ca. Thọ giáo nhi thính.

Ta sẽ vì ông giải rõ những hạnh cần tích tụ của giới đức Bồ-tát tại gia. Lúc đó Trưởng giả Úc-ca, vâng lời lắng nghe.

佛言長者。若有菩薩居家修道。

Phật ngôn Trưởng giả. Nhược hữu Bồ-tát cư gia tu đạo.

Phật dạy Trưởng giả: Như có Bồ-tát tại gia tu đạo,

當歸命佛歸命法歸命僧。以自歸之德。

đương quy mạng Phật quy mạng Pháp quy mạng tăng. Dĩ tự quy chi đức.

nên trở về nương tựa Phật, nương tựa Pháp, nương tựa Tăng, để tự nương theo các công đức,

求於無上正真之道。

cầu u vô thượng chánh chân chi đạo.

cầu đạo Vô Thượng Chánh Chân.

長者居家菩薩。云何歸命佛。

Trưởng giả cư gia Bồ-tát. Vân hà quy mạng Phật.

Trưởng giả: Bồ-tát tại gia, làm sao để nương tựa Phật?

我當具足佛三十二大人之相。諸所作為善本功德。

Ngã đương cụ túc Phật tam thập nhị Đại nhân chi tướng. Chư sở tác vi thiện bản công đức.

Ta đang đầy đủ 32 tướng của bậc Đại nhân, những chỗ làm là gốc thiện công đức, tích vô số nguyện thường hành tinh tấn. 為三十二大人之相。

Tích vô ương số nguyện thường hành tinh tấn. Vi tam thập nhị Đại nhân chi tướng.

tích tụ vô số nguyện, thường hành tinh tấn, vì ba mươi hai tướng đại nhân đó.

如是名為歸命於佛。云何為歸命法。奉事法教。

Như thị danh vi quy mạng u Phật. Vân hà vi quy mạng Pháp. Phụng sự Pháp giáo.

Như thế gọi là nương tựa Phật. Thế nào là nương tựa Pháp? Phụng sự giáo Pháp

敬受於法。解法妙義。好法樂法。歸法志法。

Kính thọ u Pháp. Giải Pháp diệu nghĩa. Hào Pháp lạc Pháp. Quy Pháp chí Pháp.

cung kính đối với Pháp, hiểu rõ nghĩa vi diệu của Pháp, ham học pháp, thích nghe Pháp, nương tựa Pháp, chí cầu nơi Pháp,

導御法護持法住於寂法。鼓法僧住法行。

đạo ngự Pháp, hộ Trì Pháp trụ u tịch Pháp. Cổ Pháp tăng trụ Pháp hành.

hướng dẫn Pháp, hộ trì Pháp, trụ ở Pháp tịch tịnh, khuyên theo chư Tăng, an trú Pháp hạnh.

在所行法。為法務說法界。法力為法住。

Tại sở hành Pháp. Vi Pháp vụ thuyết Pháp giới. Pháp lực vi Pháp trụ.

Tại nơi đó mà hành Pháp, làm việc Pháp, thuyết Pháp giới, lấy Pháp lực làm Pháp trụ,

行法施求法寶。我得無上正真之道最正覺時。

Hành Pháp thí cầu Pháp bảo. Ngã đắc vô thượng chánh chân chi đạo tối chánh giác thời.

thực hành Pháp thí để cầu Pháp bảo. Lúc ta thành đạo Tối Chánh Giác Vô Thượng Chánh Chơn,

當為諸天世間人民開度說法。是為歸命法。

Đương vi chư Thiên thế gian nhân dân khai độ thuyết Pháp. Thị vi quy mạng Pháp.

nên vì chư Thiên loài người thuyết Pháp khai ngộ. Đó là nương tựa Pháp.

云何歸命於僧。居家菩薩。若見須陀洹。斯陀含。

Vân hà quy mạng u tăng. Cư gia Bồ-tát. Nhược kiến Tu đà hoàn. Tu đà hàm.

Thế nào là nương tựa Tăng? Bồ-tát tại gia, hoặc thấy bậc Tu-đà-hoàn, Tu-đà-hàm, A-na-hàm. 阿羅漢。辟支佛。若弟子若凡人。

A na hàm. A La Hán. Bích chi Phật. Nhược đệ tử nhược phàm nhân.

A-na-hàm, A-la-hán, Bích-chi-Phật, hoặc đệ tử hoặc người phàm

皆當敬侍。瞻待如禮。卑順遜言。不為狐疑。

giai đương kính thị. Chiêm đãi như lễ. Ti thuận tôn ngôn. Bất vi hồ nghi.

đều nên cung kính hầu hạ, chiêm ngưỡng đánh lễ, hạ mình nghe theo lời, không có nghi ngờ.

宗奉供養。承正行之眾。每心念言。

Tông phụng cung dưỡng. Thừa chánh hành chi chúng. Mỗi tâm niệm ngôn.

Tôn kính cúng dường, cho những bậc hành đạo chân chánh. Mỗi tâm niệm nghĩ rằng:
我得無上正真之道最正覺時。

Ngã đắc vô thượng chánh chân chi đạo tối chánh giác thời。

Lúc ta thành đạo Tối Chánh Giác Vô Thượng Chánh Chơn,

當為諸天人民一切成弟子眾。當為說法有恭敬意不為輕慢。

Đương vi chư Thiên nhân dân nhất thiết thành đệ tử chúng。Đương vi thuyết Pháp
hữu cung kính ý bất vi khinh mạn。

nên tất cả chư Thiên loài người đều trở thành những đệ tử, vì họ thuyết Pháp với
ý cung kính và không khinh mạn。

是為歸命於僧。

Thị vi quy mạng ư tăng。

Đó là nương tựa Tăng。

復次長者。居家菩薩。有四事法行歸命佛。

Phục thứ Trưởng giả。Cư gia Bồ-tát。Hữu tứ sự Pháp hành quy mạng Phật。

Lại nữa, này Trưởng giả! Bồ-tát tại gia có bốn việc để nương tựa Phật。

何等為四。一者志習佛道。

Hà đẳng vi tứ。Nhất giả chí tập Phật đạo。

Những gì là bốn? Một là ý chí tu tập Phật đạo。

二者以等心施意無偏邪。三者不斷大悲。四者心不樂餘乘。

Nhị giả dĩ đẳng tâm thí ý vô Thiên tà。Tam giả bất đoạn Đại bi。Tứ giả tâm bất
lạc dư thừa。

Hai là đem tâm bình đẳng bố thí không thiên lệch, ba là không ngừng phát khởi
lòng đại bi, bốn là tâm không vui theo ngoại đạo。

是為四居家菩薩為歸命佛。

Thị vi tứ cư gia Bồ-tát vi quy mạng Phật。

Đó là bốn việc Bồ-tát tại gia nương tựa Phật。

復次長者。居家菩薩。有四法行歸命法。

Phục thứ Trưởng giả。Cư gia Bồ-tát。Hữu tứ Pháp hành quy mạng Pháp。

Lại nữa Trưởng giả! Bồ-tát tại gia có bốn việc để nương tựa Pháp。

何等為四。一者與正士法人相隨相習。

Hà đẳng vi tứ。Nhất giả dĩ chánh sĩ Pháp nhân tương tùy tương tập。

Những gì là bốn? Một là cùng với các bậc Bồ-tát theo nhau tu tập,

稽首敬從受其教勅。二者一心聽法。

Khê thủ kính tòng thọ kỳ giáo sắc。Nhị giả nhất tâm thính Pháp。

Đảnh lễ cung kính theo những bậc đó thọ giáo。Hai là một lòng nghe pháp。

三者如所聞法為人講說。四者以是所施功德。

Tam giả như sở văn Pháp vi nhân giảng thuyết。Tứ giả dĩ thị sở thí công đức。

Ba là đem pháp mình được nghe vì người khác giảng giải。Bốn là đem những công
đức đó bố thí

願求無上正真之道。是為四居家菩薩為歸命法。

Nguyện cầu vô thượng chánh chân chi đạo。Thị vi tứ cư gia Bồ-tát vi quy mạng
Pháp。

để nguyện cầu đạo Vô Thượng Chánh Chơn。Đó là bốn pháp của Bồ-tát tại gia nương
tựa Pháp。

復次長者。居家菩薩。有四法行歸命僧。

Phục thứ Trưởng giả。Cư gia Bồ-tát。Hữu tứ Pháp hành quy mạng tăng。

Lại nữa Trưởng giả。Bồ-tát tại gia có bốn việc để nương tựa Tăng。

何等為四。一者已過聲聞緣覺之乘意樂一切智。

Hà đẳng vi tú. Nhất giả dĩ quá thanh văn duyên giác chi thừa ý lạc nhất thiết trí.

Những gì là bốn? Một là những bậc đã trải qua quả vị Thanh Văn, Duyên giác, ý an trú ở Nhất thiết trí.

二者其有以飯食布施者以法教喻。

Nhị giả kỳ hữu dĩ phạn thực bố thí giả dĩ Pháp giáo dụ.

Hai là vì những người đem cơm thức ăn bố thí mà thuyết pháp giáo hóa họ.

三者以賢聖解脫導不退轉眾。

Tam giả dĩ hiền Thánh giải thoát đạo bất thối chuyển chúng.

Ba là đem đạo giải thoát của Thánh Hiền dẫn dắt mọi người đạt đến bất thối chuyển.

四者不以弟子之業功德解脫為解脫也。

Tứ giả bất dĩ đệ tử chi nghiệp công đức giải thoát vi giải thoát dã.

Bốn là không lấy việc giáo hóa đệ tử làm sự nghiệp chính mà phải lấy công đức giải thoát để giải thoát.

是為四居家菩薩為歸命僧。

Thị vi tứ cư gia Bồ-tát vi quy mạng tăng.

Đó là bốn việc Bồ-tát tại gia nương tựa Tăng.

復次長者。居家菩薩。見如來心念求佛。

Phục thứ Trưởng giả. Cư gia Bồ-tát. Kiến Như Lai tâm niệm cầu Phật.

Lại nữa, Trưởng giả! Bồ-tát tại gia, thấy Như Lai mà khởi tâm niệm cầu làm Phật.

為歸命佛。聞說法心念法。為歸命法。

Vi quy mạng Phật. Văn thuyết Pháp tâm niệm Pháp. Vi quy mạng Pháp.

Đó là nương tựa Phật. Nghe thuyết pháp lòng nhớ nghĩ đến pháp, là nương tựa Pháp.

見如來賢聖之眾意念佛道。為歸命僧。

Kiến Như Lai hiền Thánh chi chúng ý niệm Phật đạo. Vi quy mạng tăng.

Thấy các bậc Hiền Thánh của Như Lai mà ý nghĩ về Phật đạo, là nương tựa Tăng.

復次長者。居家菩薩。欲具足願布施。

Phục thứ Trưởng giả. Cư gia Bồ-tát. Dục cụ túc nguyện bố thí.

Lại nữa, Trưởng giả! Bồ-tát tại gia, muốn đầy đủ nguyện bố thí

為歸命佛。用護法布施為歸命法。施已願求一切智。

Vi quy mạng Phật. Dụng hộ Pháp bố thí vi quy mạng Pháp. Thí dĩ nguyện cầu nhất thiết trí.

là nương tựa Phật. Dùng việc hộ pháp để bố thí là nương tựa Pháp. Bố thí để cầu nguyện Nhất thiết trí

為歸命僧。

Vi quy mạng tăng.

là nương tựa Tăng.

復次長者。居家菩薩。為上士行。

Phục thứ Trưởng giả. Cư gia Bồ-tát. Vi thượng sĩ hành.

Lại nữa, Trưởng giả! Bồ-tát tại gia, làm những việc của bậc thượng sĩ,

不為下士行。何謂上士。如法於財不以非法。

Bất vi hạ sĩ hành. Hà vị thượng sĩ. Như Pháp ư tài bất dĩ phi Pháp.

chẳng làm những việc của kẻ hạ sĩ. Thế nào gọi là thượng sĩ? Như pháp đối với tài sản chẳng dùng phi Pháp,

以正法不邪。不務於邪。奉行直業。不媿他人。

Dĩ chánh Pháp bất tà. Bất vụ ư tà. Phụng hành trực nghiệp. Bất nhiều tha nhân. chọn chánh Pháp không chọn tà Pháp, không phục vụ việc sai quấy, phụng trì đạo nghiệp, không não hại người khác,

布施說法。念於財物為非常想。多為善事。孝養父母。

Bồ thí thuyết Pháp. Niệm u tài vật vi phi thường tưởng. Đa vi thiện sự. Hiếu dưỡng phụ mẫu.

thuyết Pháp bồ thí, nhớ nghĩ đối với tài vật là tướng vô thường, làm nhiều việc thiện, hiếu dưỡng cha mẹ,

常好布施。以等稟與門室親屬。知識交友。

Thường hảo bồ thí. Dĩ đẳng bảm dĩ môn thất thân thuộc. Tri thức giao hữu.

thường thích bồ thí, với bậc cha mẹ, thân quyến trong nhà, bạn hữu tri thức, biết chọn bạn mà giao thiệp

人客下使。教以上法。所為如法。棄捐諸擔。

Nhân khách hạ sử. Giáo dĩ thượng Pháp. Sở vi như Pháp. Khí quyển chư đàm.

khách nhân hạ tiện, dạy cho họ pháp cao thượng, việc làm phải đúng pháp, vứt bỏ những gánh nặng,

及為一切却五陰擔。常志精進。令諸擔不起。

Cập vi nhất thiết khước ngũ uẩn đàm. Thường chí tinh tấn. Lệnh chư đàm bất khởi. và làm tất cả để trừ gánh nặng của ngũ uẩn, chí thường tinh tấn, khiến mọi gánh nặng không khởi

令不學弟子緣覺之乘。開導誨授無厭足人。

Lệnh bất học đệ tử duyên giác chi thừa. Khai đạo hồi thụ Vô yếm túc nhân.

khiến cho những người đệ tử không học quá vị Duyên Giác được khai ngộ, hướng dẫn trao truyền cho mọi người không ghét bỏ một ai.

於身所安為念非常想。欲寧一切。

Ư thân sở an vi niệm phi thường tưởng. Dục ninh nhất thiết.

Ở những chỗ an ổn của thân mà nhớ nghĩ đến vô thường, muốn tất cả được an ổn

若有利無利。若譽若謗。若有名若無名。若苦若樂。

Nhuộc hữu lợi vô lợi. Nhuộc dự nhuộc báng. Nhuộc hữu danh nhuộc vô danh. Nhuộc khổ nhuộc lạc.

hoặc có lợi hay không có lợi, hoặc khen hoặc chê, hoặc nổi tiếng hay không nổi tiếng, hoặc khổ hoặc vui,

已過世間之所有法。心無憍慢。不著貧富。

Dĩ quá thế gian chi sở hữu Pháp. Tâm vô kiêu mạn. Bất trú bản phú.

những pháp vốn có của thế gian trong quá khứ, tâm không kiêu mạn, không đắm trước vào giàu nghèo,

不著財利名譽苦樂。如世法行行於正法。

Bất trú tài lợi danh dự khổ lạc. Như thế Pháp hành hành ư chánh Pháp.

không đắm trước vào tài lợi danh dự khổ vui, như các việc làm của thế gian mà làm đúng chánh pháp,

審住正諦護於道家。救助淨行正住佛道。

Thẩm trụ chánh đế hộ u đạo gia. Cứu trợ tịnh hạnh chánh trụ Phật đạo.

xét rõ sự tồn tại của sự thật chân chánh để giúp đỡ gia đạo, hỗ trợ hạnh thanh tịnh để chân chánh trú trong đạo Phật.

却諸瑕穢。常有等心具足所願。亦令他人具足其願。

Khước chư hà uế. Thường hữu đẳng tâm cụ túc sở nguyện. Diệc lệnh tha nhân cụ túc kỳ nguyện.

Từ bỏ các lỗi lầm uế nhiễm, thường có tâm bình đẳng đầy đủ các nguyện, cũng khiến cho người khác đầy đủ các nguyện ấy,

不捨所行令人亦爾。所作究竟無有猶豫。

Bất xả sở hành lệnh nhân diệc nhi. Sở tác cứu cánh vô hữu do dự.

không lìa xa các hạnh nguyện khiến cho người khác cũng được như vậy. Những việc làm đưa đến cứu cánh thì không do dự,

常有反復所建輒善。見貧窮者矜濟以財。

Thường hữu phản phục sở kiến triếp thiện. Kiến bản cùng giả căng tế dĩ tài.
thường có nguyện trở lại xây dựng điều thiện, thấy người bản cùng thì phải giúp đỡ của cải.

恐懼者為無畏救。愁憂者慰除所患。

Khủng cụ giả vi vô úy cứu. Sầu ưu giả úy trừ sở hoạn.

Người sợ hãi thì dạy họ không sợ hãi, người sầu lo thì an ủi họ không còn lo nữa
羸劣者喻使忍辱。豪強者令無僞慢。

Luy liệt giả dụ sử nhẫn nhục. Hào cường giả lệnh vô kiêu mạn.

Người yếu đuối thì khuyên họ nhẫn nhục, người giàu mạnh thì khuyên họ đừng kiêu mạn.

貢高者令不自大。奉敬尊長諮啟舊德。

Cống cao giả lệnh bất tự Đại. Phụng kính tôn trường ti khái cụ đức.

Người cống cao thì khuyên họ không kiêu ngạo, cung kính tôn trọng bậc trưởng lão để học hỏi những đức của người xưa,

親近博智請問方術以悟其疑。常為直見心無諂偽。

Thân cận bác trí thỉnh vấn phương thuật dĩ ngộ kỳ nghi. Thường vi trực kiến tâm vô siểm nguy.

thân cận những bậc trí tuệ uyên bác thưa hỏi phương pháp hiểu rõ những chỗ nghi ngờ, thường vì sự ngay thẳng, tâm không siểm nịnh,

等哀一切行無適莫無有害心。不別種性無所憍求。

Đẳng ai nhất thiết hành vô thích mạc vô hữu hại tâm. Bất biệt chủng tánh vô sở hi cầu.

bình đẳng với tất cả làm theo đạo lý không có tâm hại người, không phân biệt chủng loại, không có lòng mong cầu điều gì cả,

堅住一心好尚精進。與賢聖會思自修立。

Kiên trụ nhất tâm hảo thượng tinh tấn. Dữ hiền Thánh hội tu tự tu lập.

vững trụ ở nhất tâm, yêu chuộng tinh tấn, cùng gặp gỡ các bậc Hiền Thánh, suy nghĩ để đưa ra phương pháp tu cho chính mình,

見非賢者為設大哀。住於慈悲。復慈於法等心。

Kiến phi hiền giả vi thiết Đại ai. Trụ ư từ bi. Phục từ ư Pháp đẳng tâm.

gặp người không phải bậc Hiền thì vì họ mà khởi tâm thương xót. Tâm trú ở từ bi, lại phải từ bi với pháp tâm bình đẳng,

見無師法自放恣者。

Kiến vô sư Pháp tự phóng tú giả

gặp người không có thầy dạy, người phóng túng

如所聞法為解開導聞已思義。於諸愛欲伎樂之樂。為非常想。

Như sở văn Pháp vi giải khai đạo văn dĩ tu nghĩa. Ư chư ái dục kĩ nhạc chi lạc. Vi phi thường tưởng.

thì như pháp mình đã nghe để giảng giải hướng dẫn họ nghe rồi suy nghĩ nghĩa lý đó. Ở nơi cái vui của ái dục kĩ nhạc mà nghĩ vô thường,

不惜身命念如朝露想。計財如幻泡想。

Bất tích thân mạng niệm như triêu lộ tưởng. Kế tài như huyễn phao tưởng.

không tiếc thân mạng, nghĩ thân này như sương buổi sớm, tài sản huyễn mộng như bọt nước,

眷屬為仇怨想。婦子男女為無點地獄想。

Quyến chúc vi cừ oán tưởng. Phụ tử nam nữ vi vô hiệt Địa-ngục tưởng.

nghĩ quyến thuộc là oan gia, vợ chồng con cái nam nữ là địa ngục mịt mù

一切所受為苦想。舍宅產業常為遠離想。

Nhất thiết sở thọ vi khổ tưởng. Xá trạch sản nghiệp thường vi viễn li tưởng.

tất cả cảm thọ đều là khổ, nhà cửa sản nghiệp thường nghĩ xa lìa,
所求索為善本想。家室為種想。
Sở cầu tác vi thiện bốn tưởng. Gia thất vi chủng tưởng.
những điều mong cầu đều phải lấy thiện làm gốc, nghĩ nhà cửa là hạt giống,
親屬知識為地獄傍想。晝夜無異為等想。身無要當行要。
Thân thuộc tri thức vi địa ngục bàng tưởng. Trú dạ vô dị vi đẳng tưởng. Thân vô
yếu đương hành yếu.
thân quyền tri thức là gần với địa ngục. Ngày đêm không nghĩ những điều khác,
thân này không quan trọng mà mình phải coi như là quan trọng,
命無要當住要。財無要當令要。何謂身要。
Mạng vô yếu đương trụ yếu. Tài vô yếu đương lệnh yếu. Hà vị thân yếu.
mạng sống này không quan trọng mình phải coi như là quan trọng, tài sản không
quan trọng mình phải khiến nó quan trọng. Sao gọi cái thân này là quan trọng?
能勞來於人。恭敬承順。是為身要。
Năng lao lai ư nhân. Cung kính thừa thuận. Thị vi thân yếu.
Có thể vì người khác lao nhọc, cung kính tùy thuận, đó là thân này quan trọng.
若令善本不減。使功德常增。是為命要。於諸法無所受。
Nhuộc lệnh thiện bản bất giảm. Sứ công đức thường tăng. Thị vi mạng yếu. Ư chu
Pháp vô sở thọ.
Hoặc khiến cho gốc thiện không giảm, công đức thường tăng, đó là mạng quan
trọng. Ở nơi các pháp không thọ lãnh,
不著財能布施。是為財要。長者。居家菩薩。
Bất trú tài năng bố thí. Thị vi tài yếu. Trưởng giả. Cư gia Bồ-tát.
không tham đắm tài sản thường hành bố thí, đó là tài sản quan trọng. Nay Trưởng
giả! Bồ-tát tại gia
以是比像而立家地。是為上士居家行也。
Dĩ thị bì tượng nhi lập gia địa. Thị vi thượng sĩ cư gia hành dã.
đem những điều này so sánh để xây dựng gia đình. Đó là việc làm của bậc thượng
sĩ tại gia vậy.
不失如是無所著等正覺之戒。則為至誠。
Bất thất như thị vô sở trú đẳng chánh giác chi giới. Tắc vi chí thành.
Không đánh mất những điều như vậy là không chấp trước vào giới pháp của bậc
Chánh Đẳng Giác, nhưng lòng luôn chí thành,
所為如法不轉不退於無上正真道。
Sở vi như Pháp bất chuyển bất thôi ư vô thượng chánh chân đạo.
việc làm như pháp, không thay đổi, không thôi thất đối với đạo Vô thượng chánh
chân.

戒品第二

Giới phẩm đệ nhị
Phẩm Giới, thứ 2

復次長者。居家菩薩當受五戒。
Phục thứ Trưởng giả. Cư gia Bồ-tát đương thọ ngũ giới.
Lại nữa Trưởng giả! Bồ-tát tại gia phải thọ năm giới.
一者不樂殺生。手不得持刀仗瓦石有所擊害。

Nhất giả bất lạc sát sanh. Thủ bắt đắc trì đao trượng ngõa thạch hữu sở kích hại.

Một là không ưa thích sát sanh, tay không được cầm dao gậy ngói đá đánh đập hại chúng sanh,

不憐他人等心於一切。常有慈心行。

Bất nhiều tha nhân đẳng tâm ưu nhất thiết. Thường hữu từ tâm hành.

không nhiều hại người khác, bình đẳng đối với tất cả, thường hành từ bi.

二者不樂犯不與取。自於財物知足。不貪他人財。

Nhị giả bất lạc phạm bất dữ thủ. Tự ưu tài vật trì túc. Bất tham tha nhân tài.

Hai là không thích lấy của không cho, tự biết đầy đủ đối với tài vật, không tham tài vật kẻ khác,

遠離諛諂無點之事。自知止足不著他有。

Viễn li du siểm vô hiệt chi sự. Tự trì chi túc bất trú tha hữu.

xa lìa những việc nịnh hót không trong sáng, phải dừng lại ở chỗ biết đủ, không tham trước cái người khác có,

草葉毛米不犯不與取。三者不樂邪婬。

Thảo diệp mao mễ bất phạm bất dữ thủ. Tam giả bất lạc tà dâm.

từ ngọn cỏ, sợi lông, hạt gạo cũng không phạm lỗi không cho mà lấy. Ba là không thích tà dâm,

自於妻室覺知止足不犯外色。

Tự ưu thê thất giác trì chi túc bất phạm ngoại sắc.

tự đối với vợ chồng mà biết dừng lại ở chỗ đủ, không vi phạm sắc dục bên ngoài,

不當念婬計習婬嫉致為甚苦。當護於自當作是觀。

Bất đương niệm dâm kế tập dâm 嫉 trí vi thậm khổ. Đương hộ ưu tự đương tác thị quán.

không được nghĩ đến dâm dục, thực hành dâm dục mà phải biết dâm dục là rất khổ, nên tự giữ mình bằng cách quán tưởng như vậy.

自於妻起想便察惡露常懼欲塵。不當私心習著於欲。

Tự ưu thê khởi tưởng tiện sát ác lộ thường cụ dục trần. Bất đương tư tâm tập trú ưu dục.

Đối với vợ mình mà khởi tưởng tâm liền phải quán sát những điều ác thường sợ dục trần, không nên đem tâm đắm vào ái dục

用是令人近地獄道。

Dụng thị lệnh nhân cận Địa-ngục đạo.

vì làm như vậy khiến người tiến gần đường địa ngục.

於身起想不為奇雅意不為安。當令立願令我後不習婬欲。

Ư thân khởi tưởng bất vi kì nhã ý bất vi an. Đương lệnh lập nguyện lệnh ngã hậu bất tập dâm dục.

Từ nơi thân mà khởi tưởng không vì ý tao nhã, không vì sự an ổn, nên lập nguyện tôi từ nay về sau không làm những điều dâm dục,

何況念欲與共合會。四者不樂妄語。

Hà huống niệm dục dữ cộng hợp hội. Tứ giả bất lạc vọng ngữ.

huống gì có niệm dâm dục, giao hợp với người khác. Bốn là không thích nói dối.

所言至誠所說審諦。所行如語。不兩舌不增減。

Sở ngôn chí thành sở thuyết thâm đế. Sở hạnh như ngữ. Bất lượng thiệt bất tăng giảm.

Lời nói phải chí thành, phải chân thật, làm sao nói vậy, không nói hai lưỡi, không thêm bớt;

無失說當行覺意。如所聞見說護於法。

Vô thất thuyết đương hành giác ý. Như sở văn kiến thuyết hộ ư Pháp.
muốn không nói sai thì nên tỉnh giác ý nghĩ. Như chỗ thấy nghe, nói ra để hộ trì
Pháp,

寧失身命終不妄語。五者不飲酒。不樂酒不嘗酒。

Ninh thất thân mạng chung bất vọng ngữ. Ngũ giả bất ẩm tửu. Bất lạc tửu bất
thường tửu.

dù có mất thân mạng nhưng suốt đời không nói dối. Năm là không uống rượu, không
thích rượu, không nếm rượu,

當安諦性。無卒暴無愚不定。心意當強。

Đương an đế tánh. Vô tốt bạo vô ngu bất định. Tâm ý đương cường.

nhên an trú vào tánh chân thật, không cuồng say, không ngu muội, không định tĩnh.
tâm ý đồng mãnh,

當安詳念。施諸所有調御無義者。若施與人酒。

đương an tường niệm. Thí chu sở hữu điều ngự vô nghĩa giả. Nhược thí dữ nhân
tửu.

nhên giữ niệm sáng suốt, bố thí những gì mình có mà bậc Đạo sư cho đó là vô
nghĩa. Như đem rượu bố thí cho người khác,

當作是念。

Đương tác thị niệm。

phải nghĩ như thế này:

是為布施度無極時也隨人所欲不斷其饒。願令我所作所施酒。受者令智慧。

Thị vi ô thí độ vô cực thời dã tùy nhân sở dục bất đoạn kỳ nghiêu. Nguyên lệnh
ngã sở tác sở thí tửu. Thọ giả lệnh trí tuệ。

Nay vì bố thí độ vô cực nên tùy theo lòng mong muốn của người, không cắt đứt sự
cầu mong của người. Nguyên những loại rượu tôi làm, tôi bố thí, khiến người nhận
nhận được trí tuệ,

意志住施不亂。所以者何。

Ý chí trụ thí bất loạn. Sở dĩ giả hà。

ý chí trú ở bố thí mà không loạn. Tại sao như vậy?

菩薩為具足一切布施度無極。

Bồ-tát vi cụ túc nhất thiết bố thí độ vô cực。

Vì Bồ-tát đầy đủ tất cả những bố thí độ vô cực。

佛言長者。居家菩薩如是施與人酒。

Phật ngôn Trưởng giả. Cư gia Bồ-tát như thị thí dữ nhân tửu。

Phật dạy Trưởng giả, Bồ-tát tại gia phải như vậy để bố thí rượu cho người khác,
於法無有罪也。居家菩薩持是所戒功德。

Ư Pháp vô hữu tội dã. Cư gia Bồ-tát trì thị sở giới công đức。

đối với pháp thì không mắc tội. Bồ-tát tại gia thọ trì là việc công đức của
giới。

願為無上正真之道。當善護是五戒為上精進。

Nguyên vi vô thượng chánh chân chi đạo. Đương thiện hộ thị ngũ giới vi thượng
tinh tấn。

Nguyên vì đạo Vô Thượng Chánh Chân, nên khéo hộ trì năm giới là việc tinh tấn
tối thượng。

若有鬪變解令和合。不當剛強語。

Nược hữu đấu biến giải lệnh hòa hợp. Bất đương cương cường ngữ。

Hoặc có sự đấu tranh thì muốn khiến hoà giải, thì không nên dùng lời nói cứng
rắn,

當吉祥所言具足而不兩舌。所說如義不為非法。

Đương cát tường sở ngôn cụ túc nhi bất lượng thiết. Sở thuyết như nghĩa bất vi phi Pháp.

phải dùng lời nói nhẹ nhàng, đầy đủ mà không nói hai lưỡi, lời nói đúng nghĩa không nói phi pháp,

所語輒善不失慈心。所言如語而不可動。

Sở ngữ triếp thiện bất thất từ tâm. Sở ngôn như ngữ nhi bất khả động.

lời nói thường phải khéo léo nhưng không mất từ tâm,

斷諸勤苦無傷害意。以忍辱之力。乘僧那涅之鎧。

Đoạn chu tinh cần khổ vô thương hại ý. Dĩ nhẫn nhục chi lực. Thừa tăng na niết chi khai.

chấm dứt mọi ý nghĩ siêng năng làm khổ, làm tổn hại chúng sanh. Mặc áo giáp đại hoàng thệ nguyện,

當為正見遠離邪見。其所施與無所適莫。

Đương vi chánh kiến viễn li tà kiến. Kỳ sở thí dữ vô sở thích mặc.

nên vì chánh kiến, xa lìa tà kiến. Ở việc bố thí cho người không có sự yêu ghét

醫品第三

Y phẩm đệ tam

Phẩm thứ ba: Chữa Bệnh

復次長者。居家菩薩。所在郡國縣邑居止。

Phục thứ Trưởng giả. Cư gia Bồ-tát. Sở tại quận quốc huyện ấp cư chi.

Lại nữa Trưởng giả! Bồ-tát tại gia, sống ở đất nước, quận, huyện, làng xóm nào
當以法護於郡國縣邑。其無信者教令有信。

Đương dĩ Pháp hộ ư quận quốc huyện ấp. Kỳ vô tín giả giáo lệnh hữu tín.

Phải đem pháp để hộ trì đất nước, quận, huyện, làng xóm đó. Người nào không tin dạy cho họ tin.

無恭敬者教令恭敬。其無智者教令有智。

Vô cung kính giả giáo lệnh cung kính. Kỳ vô trí giả giáo lệnh hữu trí.

Người không cung kính dạy cho họ cung kính. Người không có trí tuệ dạy cho họ có trí tuệ.

其不孝父母不顧義理者。當教以法忠孝尊老。

Kỳ bất hiếu phụ mẫu bất cố nghĩa lý giả. Đương giáo dĩ Pháp trung hiếu tôn lão.

Người không hiếu thuận cha mẹ, không coi trọng đạo lý nên dạy họ phép trung hiếu tôn kính bậc lớn tuổi,

奉行精進志在修謹。其少智者教令博聞。

Phụng hành tinh tấn chí tại tu cần. Kỳ thiểu trí giả giáo lệnh bác văn.

phụng hành tinh tấn, chí tâm cần mẫn tu sửa, người ít học thì dạy dỗ khiến nghe nhiều học rộng.

貧窮者教以大施。無戒者教令持戒。

Bần cùng giả giáo dĩ Đại thí. Vô giới giả giáo lệnh trì giới.

Người nghèo khổ thì dạy nên bố thí. Người không giữ giới thì dạy nên giữ giới.

恚怒者教令忍辱。懈怠者教令精進。放恣者令護一心。

Khuê nô giả giáo lệnh nhẫn nhục. Giải đãi giả giáo lệnh tinh tấn. Phóng tú giả lệnh hộ nhất tâm.

Người sân nhuế thì dạy cho nhẫn nhục. Người lười biếng thì dạy cho tinh tấn. Người phóng túng thì giúp đỡ cho nhất tâm.

邪智者令住正智。病瘦者給與醫藥。

Tà trí giả lệnh trụ chánh trí. Bệnh sấu giả cấp dữ y dược.

Người có hiểu biết sai thì khuyên trở về trí chân chánh. Người bị bệnh thì cấp phát thuốc men.

無護者為作護。無所歸者為受其歸。

Vô hộ giả vi tác hộ. Vô sở quy giả vi thọ kỳ quy.

Người không được bảo hộ thì mình bảo hộ. Người không nơi nương tựa thì mình làm nơi để họ nương tựa.

無救者為作救樂。解導人一切如事為作法護。

Vô cứu giả vi tác cứu lạc. Giải đạo nhân nhất thiết như sự vi tác Pháp hộ.

Người không ai cứu thì mình cứu họ, làm người hướng dẫn cho tất cả như pháp mà hộ trì.

假令一人墮惡道者。居家菩薩。

Giả lệnh nhất nhân đọa ác đạo giả. Cư gia Bồ-tát.

Giả như có một người bị đọa vào đường ác, Bồ-tát tại gia

當為一反若二若三至于百反。教住善法及復住異種種善德。

Đương vi nhất phản nhược nhị nhược tam chí vu bách phản. Giáo trụ thiện Pháp cập phục trụ dị chủng chủng thiện đức.

nên vì họ một lần, hai lần, ba lần, cho đến trăm lần, khuyên họ trú nơi pháp thiện, đồng thời trú vào công đức của các thiện pháp khác.

居家菩薩。當為一切建立大哀。

Cư gia Bồ-tát. Đương vi nhất thiết kiến lập Đại ai.

Bồ-tát tại gia nên vì tất cả xây dựng lòng thương

堅住於一切智。被僧那之大鎧。當作念言。

Kiên trụ u nhất thiết trí. Bị tăng na chi đại khải. Đương tác niệm ngôn.

kiên cố ở Nhất thiết trí, mặc áo giáp Đại hoàng thệ nguyện, nên nghĩ thế này:

我當度脫難解弊惡難開寤人。

Ngã đương độ thoát nan giải tệ ác nan khai ngộ nhân.

Ta nên độ thoát những người khó bỏ điều xấu ác, khó khai ngộ,

然後乃取無上正真之道。我心如是。不為直信。無諛諂人。

Nhiên hậu nãi thủ vô thượng chánh chân chi đạo. Ngã tâm như thị. Bất vi trực tín. Vô du siểm nhân.

Rồi sau mới chứng quả vị Vô Thượng Chánh Chân. Tâm ta như vậy. Không vì trực tín, không dua nịnh người.

又無偽慢。戒法完具。有德之人。被大僧那之鎧。

Hựu vô ngụy mạn. Giới Pháp hoàn cụ. Hữu đức chi nhân. Bị Đại tăng na chi khải.

Lại không ngạo mạn, giới pháp đầy đủ, thành người có đức, mặc áo thành tựu quả vị Niết-bàn

我用是闍法。不受行人故。被僧那之鎧。

Ngã dụng thị văn Pháp. Bất thọ hành nhân cố. Bị tăng na chi khải.

Tôi y pháp tu hành không y theo người hành pháp ấy. Mặc áo giáp đại hoàng thệ nguyện,

願令我常精進。使諸癡冥見我歡喜。菩薩所止處。

Nguyện lệnh ngã thường tinh tiến. Sử chu si minh kiến ngã hoan hi. Bồ-tát sở chí xử.

nguyện khiến ta thường tinh tấn, để trừ được những vô minh si ám, thấy ta hoan hỷ, đó là nơi dừng chân của bậc Bồ-tát,

當審諦無令妄橫。假令一人有橫墮惡道者。

Đương thâm để vô lệnh vọng hoạnh. Giả lệnh nhất nhân hữu hoạnh đọa ác đạo giả. phải suy xét sự thật, không ra lệnh sai lầm không hợp lý. Giả như có lệnh không hợp lý khiến một người đọa vào ác đạo,

彼菩薩於如來無所著等正覺有大過矣。

Bì Bồ-tát u Như Lai vô sở trú đẳng chánh giác hữu Đại quá hĩ.

Bồ-tát kia đối với đức Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác có lỗi rất lớn vậy.

用是故居家菩薩在家修道。常當被是僧那之鎧。

Dụng thị cố cư gia Bồ-tát tại gia tu đạo. Thường đương bị thị tăng na chi khải. Vì thế cho nên, Bồ-tát tại gia tu đạo ở nhà, thường phải mặc áo giáp Hoằng thế nguyện.

願言我當令所在郡國人民無有墮惡道者。

Nguyện ngôn ngã đương lệnh sở tại quận quốc nhân dân vô hữu đọa ác đạo giả.

Nguyện rằng: Ta nên khiến cho nhân dân các quận trong đất nước, không còn người bị đọa ác đạo

譬如郡國縣邑有良醫。假使一人橫死。

Thí như quận quốc huyện ấp hữu lương y. Giả sử nhất nhân hoạnh tử.

giống như trong đất nước, quận, huyện, làng xóm có vị lương y. Giả sử có người chết uổng chết oan

其醫於諸人有咎。菩薩亦如是。所在郡國縣邑。

Kỳ y u chu nhân hữu cứu. Bồ-tát diệc như thị. Sở tại quận quốc huyện ấp.

thì vị lương y đó có lỗi với mọi người. Bồ-tát cũng lại như vậy, ở tại đất nước, quận, huyện đó,

居止不念救護諸人。若令一人有墮惡道者。

Cư chỉ bất niệm cứu hộ chu nhân. Nhược lệnh nhất nhân hữu đọa ác đạo giả.

ở đó mà không nhớ nghĩ việc cứu hộ người. Như có một người đọa vào ác đạo

其菩薩於如來無所著等正覺。為有咎也。

Kỳ Bồ-tát u Như Lai vô sở trú đẳng chánh giác. Vi hữu cứu dã.

thì Bồ-tát kia đối với đức Như Lai Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác là có lỗi vậy.

穢居品第四

Uế cư phẩm đệ tứ

Phẩm thứ tư: Sống Ô Uế

復次長者。居家菩薩。當別知在家污穢之事。

Phục thứ Trưởng giả. Cư gia Bồ-tát. Đương biệt tri tại gia 汚 uế chi sự.

Lại nữa Trưởng giả! Bồ-tát tại gia, phải biết phân biệt những việc ô uế tại gia,當作是念。何以故名為居家。斷諸善根本。

Đương tác thị niệm. Hà dĩ cố danh vi cư gia. Đoạn chu thiện căn bản.

phải nghĩ thế này: Như thế nào gọi là tại gia? Đoạn trừ các gốc rễ thiện pháp là danh gia. 不護尊品諸功德。是名居家。

Thị danh cư gia. Bất hộ tôn phẩm chu công đức. Thị danh cư gia.

nên gọi là tại gia, không hộ trì các công đức phẩm hạnh được tôn quý thì gọi là tại gia.

居諸不善塵垢。居諸不善之想。居諸不善之行。

Cư chu bất thiện trần cấu. Cư chu bất thiện chi tướng. Cư chu bất thiện chi hành.

Sống với các trần cấu bất thiện, sống với những ý tưởng bất thiện, sống với những việc làm bất thiện,

常與不調良無寂無法。令無一心。

Thường dữ bất điều lương vô tịch vô Pháp. Lệnh vô nhất tâm.

thường với những điều không lương thiện, không tịch tịnh, không phép tắc, khiến không được nhất tâm,

剛強惡人共會。是名居家。從是當為弊魔所得便。

Cương cường ác nhân cộng hội. Thị danh cư gia. Tông thị đương vi tặc ma sở đắc tiện.

cùng tụ hội với những người cương ác, đó gọi là tại gia. Theo đó nên những cái xấu ác có chỗ sanh khởi,

是名居家。居婬怒癡。居諸塵勞勤苦之法世俗雜事。

Thị danh cư gia. Cư dâm nộ si. Cư chu trần lao tinh cần khổ chi Pháp thể tục tạp sự.

đó gọi là tại gia. Sống với các pháp thể tục tạp loạn của dâm dục, sân nhuế, ngu si,

常不得令善本具足。是名居家。

Thường bất đắc lệnh thiện bản cụ túc. Thị danh cư gia.

thường không có được các thiện căn đầy đủ, gọi là tại gia.

住止此中所不當為而輕作之。

Trụ chi thử trung sở bất đương vi nhi khinh tác chi.

Sống ở trong đó những điều không nên làm nhưng xem nhẹ mà làm,

慢不恭敬父母尊長眾祐沙門梵志道士。是名居家。

Mạn bất cung kính phụ mẫu tôn trường chúng hữu Sa-môn phạm chí đạo sĩ. Thị danh cư gia.

khinh mạn không cung kính cha mẹ, tôn trường, đức Phật, Sa-môn, Phạm chí, Đạo sĩ, đó gọi là tại gia.

樂於愛欲不懷憂苦。愁泣諸不可意名居家。

Lạc ư ái dục bất hoài ưu khổ. Sầu khắp chu bất khả ý danh cư gia.

Vui với ái dục không nghĩ đến sự buồn khổ, buồn rầu khóc lóc với những điều không như ý, gọi là tại gia.

懷來牢獄瞋諍無和。變訟罵詈。是名居家。不能積善壞諸德本。

Hoài lai lao ngục sân tránh vô hòa. Biến tụng mạ li. Thị danh cư gia. Bất năng tích thiện hoại chu đức bản.

Nhớ đến lao ngục, sân hận, tranh đấu bất hoà, kiện tụng mắng nhiếc, gọi là tại gia. Không thể tích lũy thiện pháp lại huỷ hoại cội gốc công đức,

所不當作者而妄為之。

Sở bất đương tác giả nhi vọng vi chi.

chỗ không đáng làm nhưng vẫn dối làm theo,

諸佛正士弟子所不歎也。是名居家。用住此中令人墮惡道。

Chư Phật chánh sĩ đệ tử sở bất thán dã. Thị danh cư gia. Dụng trụ thử trung lệnh nhân đọa ác đạo.

chư Phật, Bồ-tát, đệ tử đều không khen ngợi,

用住此中令人歸婬怒癡之恐懼。是名居家。

Dụng trụ thử trung lệnh nhân quy dâm nộ si chi khủng cụ. Thị danh cư gia.

sống ở trong đó khiến mọi người đều trở nên lo sợ những sự dâm dục, sân hận, ngu si,

不得護戒品為捨定品。不得行慧品。不懷來解品。

Bất đắc hộ giới phẩm vi xả định phẩm. Bất đắc hành tuệ phẩm. Bất hoài lai giải phẩm.

không thể hộ trì giới phẩm vì xả bỏ định phẩm, không thể hành trí tuệ phẩm,
không đưa đến giải thoát phẩm trong tương lai,
不起度知見品。是名居家。住此中者。

Bất khởi độ trì kiến phẩm. Thị danh cư gia. Trụ thủ trung giả.

không khởi phẩm độ trì kiến, đó gọi là tại gia. Người sống ở trong đó, 著父母兄弟
妻子親里知識交友眷屬朋黨。

Trú phụ mẫu huynh đệ thê tử thân lý tri thức giao hữu quyền chúc bằng đảng.
chấp trước cha mẹ, anh em, vợ con, thân quyến, bạn hữu tri thức, quyền thuộc,
bằng đảng,

恩愛之憂不知厭足。如眾流歸海。是故名居家。

Ân ái chi ưu bất tri yếm túc. Như chúng lưu quy hải. Thị cố danh cư gia.
lo lắng yêu thương không biết nhàm chán, như nước sông chảy về biển, nên gọi là
tại gia.

從是汚染貪饕。起思想無志。居家多有貪想。

Tòng thị 汚 nhiễm tham thiết. Khởi tư tưởng vô chí. Cư gia đa hữu tham tưởng.
Từ đó ô nhiễm tham trước, khởi tư tưởng không có chí. Người tại gia có nhiều tư
tưởng tham muốn

諸惡愁憂無有絕極。居家恩愛會如美食雜毒。

Chư ác sầu ưu vô hữu tuyệt cực. Cư gia ân ái hội như mỹ thực tạp độc.
việc ác, ưu sầu không hạn lượng, người tại gia hội họp ân ái như thức ăn ngon
nhưng lẫn thuộc độc,

居家從本苦怨像如知識。

Cư gia tòng bản khổ oán tượng như tri thức.
người tại gia xem oán khổ như bậc tri thức,

居家多妨廢賢聖之正教。居家常有鬭訟。用眾事因緣故。

Cư gia đa phương phé hiên Thánh chi chánh giáo. Cư gia thường hữu đấu tụng. Dụng
chúng sự nhân duyên cố.

người tại gia bác bỏ chánh Pháp Hiên Thánh, người tại gia thường kiện tụng gây
gỗ. Vì những nhân duyên đó,

居家多貪求豪慕貴常為善惡事。居家為無常。

Cư gia đa tham cầu hào mộ quý thường vi thiện ác sự. Cư gia vi vô thường.
tại gia tham cầu sự tài trí, mến mộ giàu sang nên thường làm nhiều việc thiện
ác, tại gia làm việc không thường,

不可久為敗壞法。居家為勤苦。

Bất khả cửu vi bại hoại Pháp. Cư gia vi tinh cần khổ.

không bền lâu, làm bại hoại Chánh pháp. Tại gia luôn làm việc lao khổ,

常有所求貪諸所有。居家為常有惡心。現刀仗如怨家。

Thường hữu sở cầu tham chư sở hữu. Cư gia vi thường hữu ác tâm. Hiên đao trượng
như oán gia.

thường có sự tham cầu sở hữu, tại gia thường có tâm xấu ác, đao gậy ở trước mặt
như oan gia,

居家為無我所受。故令展轉。居家為不淨潔。

Cư gia vi vô ngã sở thọ. Cố lệnh triển chuyển. Cư gia vi bất tịnh khiết.

tại gia vì thọ nhận cái vô ngã, nên khiến trôi lăn, tại gia vì không trong sạch
自現清白。居家如畫綵色。為但現好疾就磨滅。

Tự hiện thanh bạch. Cư gia như họa thái sắc. Vi dẫn hiện hảo tật tụ ma diệt.
mà tự hiện trong sạch. Tại gia như bức tranh vẽ đủ màu sắc, chỉ thấy đẹp nhưng
nhánh chóng bị phai nhạt.

居家如幻所化。無有我而好往來聚會。

Cư gia như huyễn sở hóa. Vô hữu ngã nhi hảo vãng lai tụ hội.

Tại gia như huyễn hóa không có ngã nhưng thường qua lại tự hội.

居家譬如須曼華。適起隨壞多所求故。

Cư gia thí như tu mạn hoa. Thích khởi tùy hoại đa sở cầu cố.

Tại gia như hoa Tu-mạn, nở đúng lúc tàn đúng thời cho nên cần nhiều nhu cầu.

居家為如朝露。日出則墮但有死憂。居家為如父母。

Cư gia vi như triêu lộ. Nhật xuất tắc đọa dẫn hữu tử ưu. Cư gia vi như phụ mẫu.

Tại gia như sương buổi sáng, mặt trời mọc thì tan cho nên lo sợ sự chết chóc.

Tại gia như người làm cha mẹ,

樂少憂多。居家為如羅網。

Lạc thiếu ưu đa. Cư gia vi như la võng.

vui ít lo nhiều. Tại gia như tấm lưới,

常憂色聲香味細滑法。居家如鐵鷲鳥。但憂不善之想。

Thường ưu sắc thanh hương vị tế hoạt Pháp. Cư gia như thiết tuy điều. Dẫn ưu bất thiện chi tưởng.

thường lo sợ sắc thanh hương vị xúc pháp. Tại gia như mỏ chim sắt chỉ sợ suy nghĩ bất thiện.

居家為如毒蛇。憂說諸事。居家如火燒身。用意亂故。

Cư gia vi như độc xà. Ưu thuyết chư sự. Cư gia như hỏa thiêu thân. Dụng ý loạn cố.

Tại gia như rắn độc, lo sợ nói nhiều chuyện. Tại gia như lửa đốt thân, làm cho ý nghĩ tạp loạn.

居家常畏怨敵。謂五賊冤家惡子故。

Cư gia thường úy oán địch. Vị ngũ tặc oan gia ác tử cố.

Tại gia thường sợ oán địch, đó là năm thứ giặc, oán gia, con xấu,

居家為少安隱。不得度脫用無等故。如是長者。

Cư gia vi thiếu an ổn. Bất đắc độ thoát dụng vô đẳng cố. Như thị Trưởng giả.

Tại gia là ít an ổn, không giải thoát được mọi ràng buộc. Như vậy Trưởng giả:

居家菩薩當別知在家為穢。

Cư gia Bồ-tát đương biệt tri tại gia vi uế.

Bồ-tát tại gia phải biết rõ sự ô uế của người tại gia.

施品第五

Thí phẩm đệ ngũ

Phẩm bố thí, thứ năm

復次長者。

Phục thứ Trưởng giả.

Lại nữa Trưởng giả:

居家菩薩當布施持戒忍辱精進多為諸善。當作是念言。所施者為是我所。

Cư gia Bồ-tát đương bố thí trì giới nhẫn nhục tinh tấn đa vi chư thiện. Đương tác thị niệm ngôn. Sở thí giả vi thị ngã sở.

Bồ-tát tại gia nên bố thí trì giới nhẫn nhục tinh tấn làm nhiều việc thiện, nên nghĩ thế này: người đem của bố thí là ngã sở,

在家者為非我所。施與者為要。

Tại gia giả vi phi ngã sở. Thí dữ giả vi yếu.

mà người tại gia là không có ngã sở, bố thí cho người là chính yếu.

在家者為無要。施與者為後世安。在家者為後世苦。

Tại gia giả vi vô yếu. Thí dữ giả vi hậu thế an. Tại gia giả vi hậu thế khổ.

Người tại gia là không chính yếu, bổ thí cho người thì đời sau được an ổn. Người tại gia vì cái khổ đời sau.

施與者為無畏備。在家者為憂守備。

Thí dũ giả vi vô úy bị. Tại gia giả vi ưu thủ bị.

Bổ thí cho người thì không lo phòng giữ, người tại gia thì lo phòng giữ.

施與者無復護。在家者為警護。施與者為愛欲盡。

Thí dũ giả vi vô phục hộ. Tại gia giả vi cảnh hộ. Thí dũ giả vi ái dục tận.

Bổ thí cho người thì không phải lo giữ gìn, người tại gia thì phải cảnh giác giữ gìn. Bổ thí cho người là đoạn tận ái dục,

在家者為愛欲增。施與者為無所受。

Tại gia giả vi ái dục tăng. Thí dũ giả vi vô sở thọ.

người tại gia ái dục tăng. Bổ thí cho người là không còn thọ nhận thêm nữa,

在家者為有所受。施與者無復恐懼。在家者為有恐懼。

Tại gia giả vi hữu sở thọ. Thí dũ giả vô phục khủng cụ. Tại gia giả vi hữu khủng cụ.

người tại gia là còn thọ nhận. Bổ thí cho người thì không còn sợ hãi, người tại gia còn nhiều lo sợ.

施與者為成佛道。在家者為益魔官屬。

Thí dũ giả vi thành Phật đạo. Tại gia giả vi ích ma quan thuộc.

Bổ thí cho người thì thành Phật đạo, người tại gia thì làm lợi cho quyền thuộc của ma.

施與者為無盡。在家者為非常。施與者為守樂。

Thí dũ giả vi vô tận. Tại gia giả vi phi thường. Thí dũ giả vi thủ lạc.

Bổ thí cho người là không cùng tận, người tại gia là không thường. Bổ thí cho người là giữ được cái vui,

在家者為守苦。施與者為斷欲塵。

Tại gia giả vi thủ khổ. Thí dũ giả vi đoạn dục trần.

người tại gia thì nắm giữ cái khổ. Bổ thí cho người là đoạn tận trần lao,

在家者為增欲塵。施與者為大富。在家者為大貧。

Tại gia giả vi tăng dục trần. Thí dũ giả vi Đại phú. Tại gia giả vi Đại bần.

người tại gia thì tăng thêm trần lao. Bổ thí cho người thì được giàu có, người tại gia thì bị nghèo cùng.

施與者為上士行。在家者為下士行。

Thí dũ giả vi thượng sĩ hành. Tại gia giả vi hạ sĩ hành.

Bổ thí cho người là việc làm của bậc thượng sĩ, người tại gia là kẻ hạ sĩ,

意無所念無所受。施與者諸佛所稱譽。

Ý vô sở niệm vô sở thọ. Thí dũ giả chu Phật sở xưng dự.

ý không có tư duy và không có chỗ thọ nhận. Bổ thí cho người được chu Phật khen ngợi,

在家者為強項人所嗟歎。如是長者。

Tại gia giả vi cường hạng nhân sở ta thán. Như thị Trưởng giả.

người tại gia thì bị mọi người thán trách. Như vậy Trưởng giả:

居家菩薩所施與如此為要行。若見乞者當起三念。何等為三。

Cư gia Bồ-tát sở thí dũ như thủ vi yếu hành. Nhuộc kiến khất giả đương khởi tam niệm. Hà đẳng vi tam.

Bồ-tát tại gia bổ thí cho người như vậy là hạnh chính yếu. Hoặc thấy người ăn xin thì nên nghĩ ba điều. Những gì là ba?

一者以善知識想待。二者令得佛道想。

Nhất giả dĩ thiện tri thức tưởng đãi. Nhị giả lệnh đắc Phật đạo tưởng.

Một là nghĩ họ như thiện tri thức. Hai là khiến khởi ý đạt được Phật đạo.

三者令後世大富想。是為三。復有三念。何等為三。

Tam giả lệnh hậu thế Đại phú tướng. Thị vi tam. Phục hữu tam niệm. Hà đẳng vi tam.

Ba là khiến khởi ý đời sau được giàu có. Đó là ba điều. Lại nghĩ ba điều khác. Những gì là ba?

一者除慳貪嫉妬想。二者所有念布施想。

Nhất giả trừ khan tham tật đố tướng. Nhị giả sở hữu niệm bố thí tướng.

Một là khởi ý trừ tham lam tật đố. Hai là khởi ý luôn có tâm niệm bố thí

三者不捨一切智想。是為三。復有三念。何等為三。

Tam giả bất xả nhất thiết trí tướng. Thị vi tam. Phục hữu tam niệm. Hà đẳng vi tam.

Ba là khởi ý không rời bỏ Nhất thiết trí. Đó là ba điều. Lại nghĩ ba điều khác. Thế nào là ba?

一者所作安詳為如來想。二者降伏魔想。

Nhất giả sở tác an tường vi Như Lai tướng. Nhị giả hàng phục ma tướng.

Một là khởi ý việc làm an ổn rõ ràng vì Như Lai. Hai là khởi ý hàng phục ma oán.

三者不望報想。是為三。復有三念。

Tam giả bất vọng báo tướng. Thị vi tam. Phục hữu tam niệm.

Ba là khởi ý không mong cầu báo đáp. Đó là ba điều. Lại nghĩ ba điều khác.

一者見貧乞窮匱者。為開道化授想。二者行四恩不捨思想。

Nhất giả kiến bần khất cùng quĩ giả. Vi khai đạo hóa thụ tướng. Nhị giả hành tứ ân bất xả ân tướng.

Một là thấy người nghèo khó thiếu thốn, khởi ý vì họ khai ngộ giáo hóa. Hai là khởi ý thực hành bốn ân và không quên ơn.

三者終始無有邊幅受生死想。是為三。

Tam giả chung thủy vô hữu biên phúc thọ sanh tử tướng. Thị vi tam.

Ba là khởi ý mãi mãi không còn chịu sanh tử khổ nhọc. Đó là ba điều.

復有三念。一者離婬嫉想。二者離瞋恚想。

Phục hữu tam niệm. Nhất giả ly dâm 嫉 tướng. Nhị giả ly sân khuể tướng.

Lại nghĩ ba điều khác. Một là khởi ý xa lìa dâm dục. Hai là khởi ý xa lìa sân nhuế.

三者無愚癡想。是為三念。所以者何。長者。

Tam giả vô ngu si tướng. Thị vi tam niệm. Sở dĩ giả hà. Trưởng giả.

Ba là khởi ý xa lìa ngu si. Đó là ba điều. Vì sao như vậy? Nay Trưởng giả,

居家菩薩見乞匱者。婬怒癡即為薄。云何為薄。

Cư gia Bồ-tát kiến khất 匱 giả. Dâm nộ si túc vi bạc. Vân hà vi bạc.

Bồ-tát tại gia thấy người ăn xin thì tâm dâm dục, sân nhuế, ngu si giảm bớt. Như thế nào gọi là giảm bớt?

慈心布施無所愛惜。婬即為薄。

Từ tâm bố thí vô sở ái tích. Dâm túc vi bạc.

Đem tâm từ bi bố thí tất cả không còn luyến tiếc, lòng dâm liền giảm bớt.

若於乞人無恚恨意。瞋怒即為薄。若布施願為一切智。

Nhuộc ư khất nhân vô khuể hận ý. Sân nộ túc vi bạc. Nhuộc bố thí nguyện vi nhất thiết trí.

Hoặc đối với người ăn xin không có ý sân hận, tâm sân nhuế liền giảm bớt, hoặc bố thí nguyện vì Nhất thiết trí,

愚癡即為薄。復次長者。居家菩薩。見乞匱者。

Ngu si tức vi bạc. Phục thứ Trường giả. Cư gia Bồ-tát. Kiên khát 乞 giả.
tâm si mê liền giảm bớt. Lại nữa này Trường giả! Bồ-tát tại gia, thấy người ăn xin

六度無極即為具足。云何具足。若布施與人。

Lục độ vô cực tức vi cụ túc. Vân hà cụ túc. Nhược bố thí dữ nhân.
thì Lục độ vô cực liền được đầy đủ. Thế nào gọi là đầy đủ? Nếu bố thí cho người,
不念受者有所取。是為布施度無極。心不憂佛道。

Bất niệm thọ giả hữu sở thù. Thị vi ố thí độ vô cực. Tâm bất ưu Phật đạo.
mà không có ý niệm về người nhận, vật được nhận, đó gọi là bố thí độ vô cực. Tâm
không nản Phật đạo,

是為持戒度無極。見乞 乞者。

Thị vi trì giới độ vô cực. Kiên khát 乞 giả.
đó là trì giới độ vô cực. Thấy người ăn xin,

不恚怒無害意。是為忍辱度無極。

bất khuể nộ vô hại ý. Thị vi nhẫn nhục độ vô cực.
không có ý sân giận náo hại, đó là nhẫn nhục độ vô cực.

心不念若施人食然自飢乏。強割情與不違施心。

Tâm bất niệm nhược thí nhân thực nhiên tự cơ phạp. Cường cắt tình dữ bất vi thí
tâm.

Tâm không nghĩ bố thí thức ăn cho người thì mình bị đói khát, mạnh mẽ chia sẻ
tình cảm cho người mà không trái với tâm bố thí,

是為精進度無極。若施乞者。每無厭足歡喜不悔心意喜悅。

Thị vi tinh tấn độ vô cực. Nhược thí khát giả. Mỗi Vô yếm túc hoan hỉ bất hồi
tâm ý hỉ duyệt.

đó là tinh tấn độ vô cực. Hoặc bố thí cho người, mỗi mỗi đều không nhằm chán,
hoan hỷ không hồi tiếc, tâm ý vui vẻ,

是為一心度無極。

Thị vi nhất tâm độ vô cực。

đó là nhất tâm độ vô cực。

施於一切法無所著亦不想報。是為智慧度無極。

Thị ư nhất thiết Pháp vô sở trú diệc bất tưởng báo. Thị vi trí tuệ độ vô cực。

Bố thí tất cả pháp không chấp trước cũng không nghĩ đến báo đáp, đó là trí tuệ
độ vô cực。

復次長者。居家菩薩當遠離世八法。

Phục thứ Trường giả. Cư gia Bồ-tát đương viễn li thế bát Pháp。

Lại nữa Trường giả: Bồ-tát tại gia phải xa lìa tám pháp thế gian,

不慕世之財利及妻子舍宅奴婢珍寶諸利。

Bất mộ thế chi tài lợi cập thê tử xá trạch nô tì trần bảo châu lợi。

không mến tiếc tài sản, danh lợi, vợ con, nhà cửa, người hầu, kẻ hạ, châu báu。

意無所著亦無歡喜亦無愁憂。一切所有無所貪慕。

Ý vô sở trú diệc vô hoan hỉ diệc vô sầu ưu. Nhất thiết sở hữu vô sở tham mộ。

Ý không chấp trước, không vui cũng không ưu sầu, những gì có được thì không tham
lam luyến tiếc

當行法念當作是觀。

Đương hành Pháp niệm đương tác thị quán。

nên nhớ nghĩ đến hành pháp và quán sát như thế này:

父母妻子舍宅奴婢下使從是欲者。令我起苦樂因緣想。

Phụ mẫu thê tử xá trạch nô tì hạ sử tông thị dục giả. Lệnh ngã khởi khổ lạc nhân
duyên tưởng。

Cha mẹ, vợ con, nhà cửa, nô tì, người hầu từ tham dục mà sanh, đó là nhân duyên khiến ta khởi niệm vui khổ.

此非我類不。為用。願常精進。用是等故。

Thù phi ngã loại bất. Vi dụng. Nguyên thường tinh tiến. Dụng thị đẳng cố. Những điều ấy có phải loại như ta không? Ta cho là hữu dụng nên thường siêng năng làm những điều như vậy,

令益諸惡事。今現在世共會快樂之等。後世則為苦黨。

Lệnh ích chư ác sự. Kim hiện tại thế cộng hội khoái lạc chi đẳng. Hậu thế tắc vi khổ đảng.

khiến tăng trưởng các việc ác, đời nay vui hưởng cùng nhiều khoái lạc, đời sau thì phải gánh chịu nhiều sự khổ đau.

我當疾求其輩類。謂布施持戒智慧精進。

Ngã đương tât cầu kỳ bối loại. Vị bố thí trì giới trí tuệ tinh tấn.

Tôi nay phải nhanh chóng gieo những loại giống về sau, nghĩa là phải bố thí, trì giới, trí huệ, tinh tấn

無有放逸。懷來佛道。具足善本。

Vô hữu phóng dật. Hoài lai Phật đạo. Cụ túc thiện bản.

không có phóng túng, nhớ đến Phật đạo, đầy đủ các gốc thiện.

此為是我之等類也。我所求索但求是願耳。

Thù vi thị ngã chi đẳng loại dã. Ngã sở cầu tác dẫn cầu thị nguyện nhĩ.

Đó là những điều đồng loại với ta, chớ mong cầu của ta chỉ ở nguyện lực mà thôi,寧失身命不為妻子男女犯眾惡也。長者。

Ninh thất thân mạng bất vi thê tử nam nữ phạm chúng ác dã. Trưởng giả,

thà mất thân mạng chứ không vì vợ con nam nữ mà phạm các tội ác. Nay Trưởng giả,居家菩薩在家修道。見婦當有三念。何等為三。

Cư gia Bồ-tát tại gia tu đạo. Kiến phụ đương hữu tam niệm. Hà đẳng vi tam.

Bồ-tát tại gia tu đạo tại nhà, thấy vợ phải nhớ nghĩ ba điều. Những gì là ba?

一者非常想。二者無所有想。三者無所受想。是為三。

Nhất giả phi thường tưởng. Nhị giả vô sở hữu tưởng. Tam giả vô sở thọ tưởng. Thị vi tam.

Một là nghĩ đến vô thường. Hai là nghĩ không có gì sở hữu, ba là nghĩ không có sự cảm thọ nào cả. Đó là ba.

復有三念。何等為三。

Phục hữu tam niệm. Hà đẳng vi tam.

Lại nghĩ đến ba điều khác. Những gì là ba?

一者今諸歡樂之友非後世友。二者常精進奉行出入守意。

Nhất giả kim chư hoan lạc chi hữu phi hậu thế hữu. Nhị giả thường tinh tiến phụng hành xuất nhập thủ ý.

Một là bạn hoan lạc đời nay chứ không phải là bạn của đời sau. Hai là thường tinh tấn phụng trì, giữ gìn ý khi ra vào,

是為等友。三者此為安隱等不為苦輩。是為三。

Thị vi đẳng hữu. Tam giả thù vi an ổn đẳng bất vi khổ bối. Thị vi tam.

xem đó là bạn vậy. Ba là nay vì sự an ổn mà không vì các sự khổ. Đó là ba điều.

復有三念。何等為三。一者不淨潔想。

Phục hữu tam niệm. Hà đẳng vi tam. Nhất giả bất tịnh khiết tưởng.

Lại nghĩ ba điều khác. Thế nào là ba? Một là nghĩ đến sự không thanh khiết.

二者瑕穢想。三者臭惡想。是為三。復有三。何等為三。

Nhị giả hà uế tưởng. Tam giả xú ác tưởng. Thị vi tam. Phục hữu tam. Hà đẳng vi tam.

Hai là nghĩ đến sự ô uế, ba là nghĩ đến sự xấu ác. Đó là ba điều. Lại phải nghĩ đến ba điều khác. Những gì là ba?

一者羅剎想。二者反足却行安鬼神想。

Nhất giả La sát tướng. Nhị giả phản túc khước hành an quỷ Thần tướng.

Một là nghĩ đến quỷ La sát. Hai là nghĩ đến loài quỷ thần đi bằng đầu.

三者但有色想。是為三。復有三。何等為三。

Tam giả dẫn hữu sắc tướng. Thị vi tam. Phục hữu tam. Hà đẳng vi tam.

Ba là nghĩ rằng chỉ có sắc. Đó là ba điều. Lại nghĩ đến ba điều khác. Những gì là ba?

一者難飽足想。二者墮落想。

Nhất giả nan bão túc tướng. Nhị giả đọa lạc tướng.

Một là nghĩ đến sự khó no đủ. Hai là nghĩ đến sự đọa lạc.

三者無反復無止足想。是為三。復有三。何等為三。

Tam giả vô phản phục vô chỉ túc tướng. Thị vi tam. Phục hữu tam. Hà đẳng vi tam.

Ba là nghĩ đến sự không trở lại, không dùng chân, đó là ba điều. Lại nghĩ đến ba điều khác. Những gì là ba?

一者惡知識想。二者貪著想。三者妨廢梵行清淨想。

Nhất giả ác tri thức tướng. Nhị giả tham trước tướng. Tam giả phương phế phạm hành thanh tịnh tướng.

Một là nghĩ đến ác tri thức. Hai là nghĩ đến sự tham lam đắm trước. Ba là nghĩ đến sự phá bỏ phạm hạnh thanh tịnh.

是為三。復有三。何等為三。一者墮人於地獄想。

Thị vi tam. Phục hữu tam. Hà đẳng vi tam. Nhất giả đọa nhân u Địa-ngục tướng.

Đó là ba điều. Lại nghĩ đến ba điều khác. Những gì là ba? Một là nghĩ đến những người đọa ở địa ngục.

二者墮人畜生想。三者令生餓鬼想。是為三。

Nhị giả đọa nhân súc sanh tướng. Tam giả lệnh sanh nạ quỷ tướng. Thị vi tam.

Hai là nghĩ đến những người đọa vào súc sanh. Ba là những người bị đọa vào loài nạ quỷ, đó là ba điều.

復有三。何等為三。一者恐懼想。二者有有想。

Phục hữu tam. Hà đẳng vi tam. Nhất giả khủng cụ tướng. Nhị giả hữu hữu tướng.

Lại nghĩ đến ba điều khác. Những gì là ba? Một là nghĩ đến sự lo sợ. Hai là nghĩ đến cái có.

三者受取想。是為三。復有三。何等為三。

Tam giả thọ thủ tướng. Thị vi tam. Phục hữu tam. Hà đẳng vi tam.

Ba là nghĩ đến chấp thủ cái thọ nhận, đó là ba điều. Lại nghĩ ba điều khác. Thế nào là ba?

一者無我想。二者無受想。三者遠離亂想。

Nhất giả vô ngã tướng. Nhị giả vô thọ tướng. Tam giả viễn li loạn tướng.

Một là nghĩ về vô ngã. Hai là nghĩ về sự không thọ nhận. Ba là nghĩ đến sự xa lìa tán loạn.

是為三。

Thị vi tam.

Đó là ba điều.

復次長者。居家菩薩所念當作是想。

Phục thứ Trưởng giả. Cư gia Bồ-tát sở niệm đương tác thị tướng.

Lại nữa Trưởng giả! Bồ-tát tại gia ở chỗ nhớ nghĩ phải như thế này:

觀其妻婦不當貪愛。於子若有重愛之心不重餘人。

Quán kỳ thê phụ bất đương tham ái. Ư tử nhược hữu trọng ái chi tâm bất trọng du nhân.

Quán sát vợ mình thì không nên khởi niệm tham ái, đối với con cái thì có tâm thương xót sâu nặng mà không thương xót người khác

當以三事自呵諫其意。何等為三。

Đương dĩ tam sự tự ha gián kỳ ý. Hà đẳng vi tam.

nên đem ba sự việc để tự can gián bản thân. Những gì là ba việc?

一者佛道為等意無偏邪意。二者佛道等行無偏邪行。

Nhất giả Phật đạo vi đẳng ý vô Thiên tà ý. Nhị giả Phật đạo đẳng hành vô Thiên tà hành.

Một là đạo Phật là ý bình đẳng, không có ý thiên chấp. Hai là đạo Phật làm việc bình đẳng, không làm việc vì thiên chấp.

三者佛道以一法行無若干行。

Tam giả Phật đạo dĩ nhất Pháp hành vô nhược can hành.

Ba là đạo Phật chỉ hành một pháp môn, không hành nhiều pháp môn,

當以是三事自諫意。若見於子計如仇怨不為善知識。

Đương dĩ thị tam sự tự gián ý. Nhược kiến u tử kế nhu cừ oán bất vi thiện tri thức.

nên đem ba việc trên để tự can gián chính mình. Hoặc phải xem con cái như cừ oán không phải là thiện tri thức.

所以者何。用是故令我離於佛種善知識。

Sở dĩ giả hà. Dụng thị cố lệnh ngã ly u Phật chủng thiện tri thức.

Vì sao như vậy? Vì điều đó cho nên khiến ta xa rời chủng tánh Phật và các thiện tri thức.

益當以好心念於如來。持諸所有愛子事。

Ích đương dĩ hảo tâm niệm u Như Lai. Trì chu sở hữu ái tử sự.

Nên phải đem tâm tốt mà nhớ nghĩ đức Như Lai, đem việc thương xót đối với con cái,

用起慈哀於一切人。以自愛身之德。用哀愛一切。

Dụng khởi từ ai u nhất thiết nhân. Dĩ tự ái thân chi đức. Dụng ai ái nhất thiết. để phát khởi từ tâm thương xót đối với mọi người. Đem cái đức thương bản thân mình mà thương xót tất cả.

當作是念言。一切是我子。我亦為一切作子。

Đương tác thị niệm ngôn. Nhất thiết thị ngã tử. Ngã diệc vi nhất thiết tác tử.

Phải nghĩ thế này: Tất cả đều là con ta, ta cũng là con của tất cả,

於是無有家室親里往來周旋。

Ư thị vô hữu gia thất thân lý vãng lai châu toàn.

đối với tất cả những người không nhà cửa, không người thân thì ta thường tới lui chăm sóc.

所生處反更為怨家。願令我所行所作。

Sở sanh xứ phản canh vi oán gia. Nguyên lệnh ngã sở hạnh sở tác.

Vì oan gia mà một lần nữa sanh ra, nguyện nơi hành động việc làm của ta,

無有善知識亦無惡知識。所以者何。若有善知識。

Vô hữu thiện tri thức diệc vô ác tri thức. Sở dĩ giả hà. Nhược hữu thiện tri thức.

không có thiện tri thức cũng không có ác tri thức. Vì sao như vậy? Như có thiện tri thức,

增益愛欲之想。若有惡知識。一切無復愛欲。

Tăng ích ái dục chi tưởng. Nhược hữu ác tri thức. Nhất thiết vô phục ái dục.

thì tăng thêm lòng ái dục, như có ác tri thức thì tất cả không có ái dục trở lại.

我常欲自調其心令無所著。常行一切法入一切行。

Ngã thường dục tự điều kỳ tâm lệnh vô sở trú. Thường hành nhất thiết Pháp nhập nhất thiết hành.

Ta thường muốn tự mình điều phục tâm mình khiến không còn chấp trước, thường hành tất cả pháp, thâm nhập tất cả hạnh nguyện,

作邪行者墮邪事。為正行者得正事。

Tác tà hành giả đọa tà sự. Vi chánh hành giả đắc chánh sự.

Người làm việc tà thì lạc đường tà, người làm việc chân chánh thì được quả chân chánh.

以是故願我莫有邪行。於一切作等心行。我所學願。

Dĩ thị cố nguyện ngã mạc hữu tà hành. Ư nhất thiết tác đẳng tâm hành. Ngã sở học nguyện.

Vì vậy nên nguyện cho ta không làm việc tà, đối với tất cả đem tâm bình đẳng mà làm, như sở nguyện của ta,

願入一切智。如是長者。居家菩薩不著諸所有。

Nguyện nhập nhất thiết trí. Như thị Trưởng giả. Cư gia Bồ-tát bất trú chu sở hữu.

nguyện vào Nhất thiết trí. Như vậy Trưởng giả! Bồ-tát tại gia không đắm trước những gì mình có,

亦無所受。亦無所貪。亦不染愛欲亦不起。

Diệc vô sở thọ. Diệc vô sở tham. Diệc bất nhiễm ái dục diệc bất khởi.

cũng không có chỗ thọ nhận, cũng không có chỗ tham, cũng không bị nhiễm ái dục, cũng không khởi lên,

亦不令無所起。居家菩薩若見乞匄者來。

Diệc bất lệnh vô sở khởi. Cư gia Bồ-tát nhược kiến khất cái giả lai.

cũng không khiến không khởi lên. Bồ-tát tại gia nếu thấy người ăn xin đến,

所施乞者當云何。心當作是念言。

Sở thí khất giả đương vân hà. Tâm đương tác thị niệm ngôn.

đem đồ bố thí phải nên như thế nào? Tâm nên nghĩ thế này:

我持是物布施。會當得律行。除姪姪生死憂。

Ngã trì thị vật bố thí. Hội đương đắc luật hành. Trừ dâm dật sanh tử ưu.

Ta đem vật này bố thí, đúng Luật mà làm sẽ trừ được sự lo âu về sự dâm dục, sanh tử;

入正我所持物布施。死時為善死。我用諸所布施故。

Nhập chánh ngã sở trì vật bố thí. Tử thời vi thiện tử. Ngã dụng chu sở bố thí cố.

trong chánh đạo ta đem vật bố thí, lúc chết sẽ ra đi nhẹ nhàng. Ta đem những vật ta có để bố thí,

臨壽終時歡喜無悔恨心。若復心念。不能作惠施。

Lâm thọ chung thời hoan hỷ vô hối hận tâm. Nhược phục tâm niệm. Bất năng tác huệ thí.

lúc lâm chung tâm vui vẻ không hối hận. Nếu tâm niệm ngược lại, không có khả năng ban ân bố thí,

見乞者當起四念。何等四。

Kiến khất giả đương khởi tứ niệm. Hà đẳng tứ.

thấy người ăn xin phải khởi bốn niệm. Những gì là bốn?

一者意為羸劣其功德少。二者是我之罪。

Nhất giả ý vi luy liệt kỳ công đức thiểu. Nhị giả thị ngã chi tội.

Một là nghĩ vì những sự yếu kém nên công đức ít. Hai là vì lỗi của mình

於是大乘心不得自在興立布施。三者適發意行所見用任我故。

Ư thị Đại thừa tâm bất đắc tự-tại hưng lập bồ thí. Tam giả thích phát ý hành sở kiến dụng nhâm ngã cố.

đối với tâm Đại thừa không được tự do khởi tâm bồ thí. Ba là theo cái ý phát khởi mà làm những điều đã thấy, dốc hết lòng mình

當忍辱施與於人。

Đương nhẫn nhục thí dữ ư nhân.

nên nhẫn chịu mà bồ thí cho người.

四者願令我所作具足是願。及一切人當曉喻乞者。長者。居家菩薩。

Tứ giả nguyện lệnh ngã sở tác cụ túc thị nguyện. Cập nhất thiết nhân đương hiểu dụ khát giả. Trường giả. Cư gia Bồ-tát.

Bốn là nguyện cho việc làm của mình được đầy đủ như bốn nguyện, và tất cả mọi người nên chỉ dạy cho những người ăn xin hiểu như vậy. Này Trường giả! Bồ-tát tại gia,

若離世尊教。無有佛起。亦無有說法者。

Nhược ly Thế tôn giáo. Vô hữu Phật khởi. Diệc vô hữu thuyết Pháp giả.

nếu rời lời dạy của Thế Tôn, thì không có Phật xuất thế, cũng không có người thuyết Pháp,

亦不見賢聖僧。便當遍念十方一切佛。

Diệc bất kiến hiền Thánh tăng. Tiện đương biến niệm thập phương nhất thiết Phật.

cũng không thấy các bậc Thánh Hiền Tăng, phải niệm khắp chư Phật trong mười phương.

是諸佛本行菩薩道時。皆行精進。然後得佛。

Thị chư Phật bản hành Bồ-tát đạo thời. giai hành tinh tấn. Nhiên hậu đắc Phật.

Khi chư Phật hành đạo Bồ-tát đều luôn tinh tấn sau mới thành Phật,

具足一切佛法。念是一切佛已。當勸助如是。

Cụ túc nhất thiết Phật Pháp. Niệm thị nhất thiết Phật dĩ. Đương khuyến trợ như thị.

đầy đủ tất cả Phật pháp. Niệm tất cả chư Phật rồi phải nên khuyến khích người khác cũng làm như vậy.

晝夜各三。淨其身口意已。

Trú dạ các tam. Tịnh kỳ thân khẩu ý dĩ.

Cả ngày lẫn đêm để ba nghiệp thân, khẩu, ý của họ được thanh tịnh,

行等慈念諸善本遠諸所有。當有慚愧。以諸功德本自莊飾。

Hành đẳng từ niệm chư thiện bản viễn chư sở hữu. Đương hữu tâm quý. Dĩ chư công đức bản tự trang sức.

Hành từ bi bình đẳng, nhớ nghĩ các việc thiện, xa lìa các điều mình có, nên phải tâm quý, dùng các công đức đó để tự trang nghiêm.

其心清淨令人歡喜。信意樂於佛道無有亂。

Kỳ tâm thanh tịnh lệnh nhân hoan hỷ. Tín ý lạc ư Phật đạo vô hữu loạn.

Tâm mình thanh tịnh khiến người hoan hỷ, ý chí tin vui với Phật đạo, không có tạp loạn.

所作安諦恭敬斷諸貢高憍慢。當諷誦三品法經。

Sở tác an đề cung kính đoạn chư cống cao kiêu mạn. Đương phúng tụng tam phẩm Pháp Kinh.

Việc làm thì cung kính chân thật, đoạn trừ cống cao ngã mạn, nên phúng tụng ba Tạng kinh điển,

棄一切諸惡行。悔過以八十事。

Khí nhất thiết chư ác hành. Hồi quá dĩ bát thập sự.

bỏ tất cả các việc ác, sám hối tám mươi việc,

一心勸助諸福。具足相好。當轉諸佛法輪。

Nhất tâm khuyến trợ chư phúc. Cụ túc tướng hảo. Đương chuyển chư Phật Pháp luân. một lòng khuyến khích và hỗ trợ các điều phước, đầy đủ các tướng tốt, chuyển bánh xe Pháp của chư Phật.

勸助諸佛轉法輪。以無量行自受其國。壽不可計。長者。

Khuyến trợ chư Phật chuyển Pháp luân. Dĩ vô lượng hành tự thọ kỳ quốc. Thọ bất khả kể. Trưởng giả.

Thỉnh nguyện chư Phật chuyển Pháp luân, đem vô lượng công hạnh đó để nguyện sanh vào nước Phật, sống lâu không thể tính. Trưởng giả,

居家菩薩當行八關齋。持是齋戒功德。

Cư gia Bồ-tát đương hành bát quan trai. Trì thị trai giới công đức.

tại gia Bồ-tát phải thực hành Bát quan trai. Nhờ công đức giữ gìn trai giới, 梵行清淨沙門。行菩薩善本。

Phạm hành thanh tịnh Sa-môn. Hành Bồ-tát thiện bản.

phạm hạnh Sa-môn được thanh tịnh, hành trì những việc thiện căn bản của Bồ-tát 與諸戒具道沙門梵志相隨。恭敬奉事。不得見惡索其長短。

Dữ chư giới cụ đạo Sa-môn phạm chí tướng tùy. Cung kính phụng sự. Bất đắc kiến ác tác kỳ trường đoàn.

cùng với các giới để theo đó cung cấp đầy đủ Sa-môn, Phạm chí. Cung kính phụng sự, không được nhìn vào lỗi của người, tìm những chỗ hay dở của họ.

若見犯戒比丘。當敬事袈裟。

Nhược kiến phạm giới bi khâu. Đương kính sự cà-sa.

Nếu thấy Tỳ-kheo phạm giới, nên vì chiếc áo cà-sa mà khởi tâm cung kính

此為是世尊如來無所著等正覺袈裟。

Thử vi thị Thế tôn Như Lai vô sở trú đẳng chánh giác cà-sa.

vì đó là cà-sa của Thế Tôn Như Lai Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác.

戒三昧智慧解脫見慧當為袈裟。作禮其袈裟已。離一切淫塵。

Giới tam muội trí tuệ giải thoát kiến tuệ đương vi cà-sa. Tác lễ kỳ cà-sa dĩ. Ly nhất thiết dâm trần.

Nên vì chiếc áo cà-sa mà khởi lên trí tuệ giải thoát Tam-muội giới, đánh lễ áo cà-sa, xa lìa tất cả dâm dục trần cấu,

是為諸賢聖神通之法。念是以後。

Thị vi chư hiền Thánh Thần thông chi Pháp. Niệm thị dĩ hậu.

đó là pháp thần thông của các bậc Thánh Hiền. Nghĩ như vậy rồi

益恭敬此比丘。當於是比丘起大哀。是惡行犯是戒。

Ích cung kính thử bi khâu. Đương ư thị bi khâu khởi Đại ai. Thị ác hành phạm thị giới.

càng tăng thêm lòng cung kính vị Tỳ-kheo đó. Nên đối với vị Tỳ-kheo đó khởi lòng thương xót lớn, phạm giới này là hành việc ác,

行非善戒。是佛法寂定調柔。

Hành phi thiện giới. Thị Phật Pháp tịch định điều nhu.

hành giới không thiện. Phật pháp tịch tịnh thì được nhu hòa.

有智入如來法門作沙門。不寂定無調柔。

Hữu trí nhập Như Lai Pháp môn tác Sa-môn. Bất tịch định vô điều nhu.

Người có trí khi vào pháp môn của Như Lai để làm Sa-môn, không tịch tịnh thì không thể nhu hòa,

非賢者行為常勤苦。如來言。無戒不學者不當輕易。

Phi hiền giả hành vi thường tinh cần khổ. Như Lai ngôn. Vô giới bất học giả bất đương khinh dịch.

Không phải là bậc Thánh Hiền, hành vi thường lao khổ. Như Lai dạy: Không có giới nào là không học, vì vậy không được xem nhẹ.

所以者何。非是其人過也。是淫塵之咎。

Sở dĩ giả hà. Phi thị kỳ nhân quá dã. Thị dâm trần chi cữu.

Vì sao như vậy? Vì không làm như vậy là người có lỗi, là lỗi của sự tham đắm dâm dục trần cấu,

用愛欲見不善本態。佛法有哀護。

Dụng ái dục kiến bất thiện bản thái. Phật Pháp hữu ai hộ.

dùng tâm ái dục để nhìn thì không phải trạng thái thiện. Phật Pháp làm sao được hộ trì!

若能覺了是淫塵念空。便可得第一道意。可得作平等忍。

Nhược năng giác liễu thị dâm trần niệm không. Tiện khả đắc đệ nhất đạo ý. Khả đắc tác bình đẳng nhẫn.

Nếu có thể hiểu trần cấu vốn không thì liền có thể đắc đạo Tối thượng, đạt đến nhẫn nhục bình đẳng.

所以者何。智慧能壞愛欲。世尊言。人不可輕妄。

Sở dĩ giả hà. Trí tuệ năng hoại ái dục. Thế tôn ngôn. Nhân bất khả khinh vọng.

Vì sao như vậy? Vì trí tuệ có thể diệt trừ ái dục. Thế Tôn dạy: Các ông không được khinh vọng,

平相不可限。所以者何。欲平相人。

Bình tướng bất khả hạn. Sở dĩ giả hà. Dục bình tướng nhân.

tướng bình đẳng không hạn lượng. Vì sao vậy? Người muốn đạt tướng bình đẳng

則為平相如來。如來所知非我所究。

Tắc vi bình tướng Như Lai. Như Lai sở tri phi ngã sở cứu.

thì nên mong muốn tướng bình đẳng của Như Lai. Những điều Như Lai biết không phải là những điều ta có thể khảo cứu.

如是於彼不當作惡心取其長短也。

Như thị u bi bất đương tác ác tâm thủ kỳ trường đoản dã.

Như thế đối với những người khác không nên khởi tâm ác, chấp thủ những hay dở của họ

禮塔品第六

Lễ tháp phẩm đệ lục

Phẩm thứ 6: Lễ Tháp

復次長者。居家菩薩入佛寺精舍。

Phục thứ Trưởng giả. Cư gia Bồ-tát nhập Phật tự Tịnh xá.

Lại nữa Trưởng giả! Bồ-tát tạ gia khi vào chùa, tịnh xá

當住門外至心作禮。然後當入精舍。當作是念言。

Đương trụ môn ngoại chí tâm tác lễ. Nhiên hậu đương nhập Tịnh xá. Đương tác thị niệm ngôn.

phải đứng ở ngoài cửa chí tâm đánh lễ, sau mới đi vào trong tịnh xá. Phải nghĩ thế này:

是為空寺。無境界無有想有願。

Thị vi không tự. Vô cảnh giới vô hữu tưởng hữu nguyện.

Không nên chấp vào chùa, không chấp vào cảnh, không chấp vào ý tưởng, không chấp vào sở nguyện

為慈悲喜護居寺。為得平等所居。自念言。

Vi từ bi hỷ hộ cư tự. Vi đắc bình đẳng sở cư. Tự niệm ngôn.

vì từ bi vui vẻ ở chùa, ta ở chùa vì sự bình đẳng. Tự nghĩ rằng:

我何時當得如是居寺。出塵垢之居在是居。

Ngã hà thời đương đắc như thị cư tự. Xuất trần cấu chi cư tại thị cư.

Ta lúc nào cũng nghĩ như vậy mà ở chùa. Lìa khỏi trần cấu nên sống tại chùa này.
得十五日會說戒當新。當念起沙門意。

Đắc thập ngũ nhật hội thuyết giới đương tân. Đương niệm khởi Sa-môn ý.
Đúng ngày mười lăm, gặp lúc đang thuyết giới nên khởi niệm như ý của bậc Sa-môn,
無有菩薩在居家得最正覺者。皆出家入山。閑居巖處得佛道。

Vô hữu Bồ-tát tại cư gia đắc tối chánh giác giả. Giai xuất gia nhập sơn. Nhân cư
nhàm xử đắc Phật đạo。

không có Bồ-tát tại gia nào có thể đắc quả Tối Chánh giác mà chỉ có những người
xuất gia ở núi, sống thanh nhàn ở thâm sơn cùng cốc mới đắc Phật đạo,

所以者何。居家為垢居。出家者智者所稱譽。

Sở dĩ giả hà. Cư gia vi cấu cư. Xuất gia giả trí giả sở xưng dự.

Tại sao như vậy? Vì tại gia sống với trần cấu, còn người xuất gia được các bậc
trí,

及恒邊沙等諸佛。我當一日為祠祀。

Cập hằng biên sa đẳng chư Phật. Ngã đương nhất nhật vi từ tự。

cùng hằng sa chư Phật khen ngợi. Ta phải mỗi ngày đánh lễ cúng dường,
布施一切所有。起意出家學道爾已。

Bồ thí nhất thiết sở hữu. Khởi ý xuất gia học đạo nhĩ dĩ。

bồ thí những gì mình có, khởi ý xuất gia học đạo như họ,

乃令我意歡喜耳。所以者何。無信人無反復人。

Nãi lệnh ngã ý hoan hỉ nhĩ. Sở dĩ giả hà. Vô tín nhân vô phản phục nhân。

mới khiến tâm ý ta vui vẻ. Vì sao như vậy? Người bất tín, người không tráo trở,
盜賊屠魁羅邪吏民亦布施。薄不足言。

Đạo tặc đồ khôi la tà lại dân diệc bồ thí. Bạc bất túc ngôn。

đầu đảng của băng cướp, bọn gian tà, quan lại, thú dân đều bồ thí cho họ, dù
chút ít nhưng không thể dùng lời nói cho hết.

我以戒智慧為上。慈心見恭敬。不惜身命。用一切故。

Ngã dĩ giới trí tuệ vi thượng. Từ tâm kiến cung kính. Bất tích thân mạng. Dụng
nhất thiết cố。

Ta lấy trí huệ giới làm tối thượng, từ tâm mà hiện cung kính, không tiếc thân
mạng, vì tất cả mà làm.

我亦當奉行如來戒。

Ngã diệc đương phụng hành Như Lai giới。

Ta cũng đang hành trì giới của Như Lai,

令究竟得無上正真道最正覺。為一切作佛事。作如來未般泥洹者。

Lệnh cứu cánh đắc vô thượng chánh chân đạo tối chánh giác. Vi nhất thiết tác
Phật sự. Tác Như Lai vị bát nê hoàn giả。

khiến cuối cùng được đạo Vô Thượng Chánh Chơn Tối Chánh Giác. Vì tất cả chúng
sinh mà làm Phật sự, làm việc của Như Lai mà chưa vào Niết-bàn.

令般泥洹。便當入精舍觀諸比丘僧行。

Lệnh bát nê hoàn. Tiện đương nhập Tịnh xá quán chư bi khâu tăng hành。

Muốn nhập Niết-bàn thì nên vào Tịnh xá xem việc làm của chư Tỳ-kheo Tăng,

何所比丘為多智者誰為解法者。

Hà sở bi khâu vi đa trí giả thù vi giải Pháp giả。

xem Tỳ-kheo nào là bậc đa trí, ai là người hiểu Pháp,

誰為持律者誰為。住法者。誰為持菩薩品者。

Thùy vi trì luật giả thùy vi. Trụ Pháp giả. Thùy vi trì Bồ-tát phẩm giả。

ai là người trì Luật, ai là người trú vào Pháp, ai là người giữ gìn phẩm hạnh
Bồ-tát,

誰為閑居行者。誰為分衛者。誰為服五衲衣者。

Thùy vi nhân cư hành giả. Thùy vi phân vệ giả. Thùy vi phục ngũ nạp y giả.
ai là người sống nhân cư, ai là người Khất sĩ, ai là người mặc y bá nạp,
誰為知止足者。誰為獨行者。誰為坐禪者。

Thùy vi tri chí túc giả. Thùy vi độc hành giả. Thùy vi tọa Thiền giả.
ai là người biết đủ, ai là người độc cư, ai là người tọa thiền,
誰為大乘者。誰為精進者。誰為典寺者。

Thùy vi Đại thừa giả. Thùy vi tinh tấn giả. Thùy vi điển tự giả.
ai là người vì Đại thừa, ai là người tinh tấn, ai là người vì Kinh điển và chùa
chiền.

觀一切比丘僧行已。皆當以等給足施與。

Quán nhất thiết bi khâu tăng hành dĩ. Giai đương dĩ đẳng cấp túc thí dĩ.
Quán tất cả việc làm của Tỳ-kheo Tăng rồi, đều phải bình đẳng bố thí đầy đủ cho
mọi người,

不當有異心行。何況近聚落行者。近聚落者。亦當問訊。

Bất đương hữu dị tâm hành. Hà hướng cận tự lạc hành giả. Cận tự lạc giả. Diệc
đương vấn tấn.

không nên có tâm phân biệt. Hướng là những người sống gần tự lạc, người sống gần
tự lạc thì cũng nên thăm hỏi,

當往至於聚落。若有比丘無衣鉢者。

Đương vãng chí ư tự lạc. Nhược hữu bi khâu vô y bát giả.

phải nên lui tới nơi tự lạc để xem nếu có Tỳ-kheo nào thiếu y bát

若病瘦無醫藥者。當給足當等心與。莫使有怨望意。

Nhược bệnh sấu vô y dược giả. Đương cấp túc đương đẳng tâm dĩ. Mạc sử hữu oán
vọng ý.

hoặc ốm đau không thuốc men nên cho họ đầy đủ, nên cho với tâm bình đẳng chớ có
ý oán hận,

所以者何。於世間皆有求安隱事。

Sở dĩ giả hà. Ư thế gian giai hữu cầu an ổn sự.

Tại sao như vậy? Vì thế gian đều mong cầu sự an ổn

益當護凡夫之意。甚於阿羅漢。所以者何。

Ích đương hộ phàm phu chí ý. Thậm ư A La Hán. Sở dĩ giả hà.

càng nên có ý hộ trì đối với phàm phu cho đến bậc A-la-hán. Vì sao như vậy?

凡夫事有怨望。阿羅漢無怨望故也。

Phàm phu sự hữu oán vọng. A La Hán vô oán vọng cố dã.

Vì kẻ phàm phu tâm có oán hận, còn bậc A-la-hán không còn oán hận,

與多智比丘共相隨。聞其所說當受學之。與解經者相隨。

Dĩ đa trí bi khâu cộng tướng tùy. Văn kỳ sở thuyết đương thọ học chi. Dĩ giải
Kinh giả tướng tùy.

Với bậc Tỳ-kheo đa văn thì nên theo họ nghe những lời dạy rồi nên thọ nhận học
theo. Với bậc hiểu Kinh thì nên theo họ,

聞其所解當受學之。與持律家相隨者。

Văn kỳ sở giải đương thọ học chi. Dĩ trì luật gia tướng tùy giả.

nghe họ diễn giải rồi nên thọ nhận học theo. Với bậc trì giới thì nên theo họ,
解知罪垢當受學之。與持菩薩品家相隨者。

Giải tri tội cấu đương thọ học chi. Dĩ trì Bồ-tát phẩm gia tướng tùy giả.

hiểu biết các tội cấu rồi thì nên thọ nhận học theo. Với bậc giữ phẩm hạnh Bồ-
tát thì nên theo họ,

當受學六度無極善權方便行。與閑居行相隨者。

Đương thọ học lục độ vô cực thiện quyền phương tiện hành. Dữ nhân cư hành tướng tùy giả.

để thọ nhận học pháp Lục độ vô cực, hành trì phương tiện quyền xảo. Với bậc sống nhân cư thì nên theo họ

當受學知一心之行。若比丘有短乏者。

Đương thọ học trì nhất tâm chi hành. Nhược bi khâu hữu đoàn pháp giả. thọ nhận học hỏi để biết pháp hành nhất tâm. Nếu Tỳ-kheo có thiếu thốn gì, 當給與衣服鉢器床臥具病瘦醫藥。

Đương cấp dữ y phục bát khí sàng ngọa cụ bệnh sấu y dược. nên cung cấp y phục, bình bát, giường nằm, ngọa cụ, thuốc men trị bệnh tật.

於佛道中當遍等心用濟。所以者何。便可以布施所惠故。

Ư Phật đạo trung đương biến đẳng tâm dụng tế. Sở dĩ giả hà. Tiệm khả dĩ ố thí sở huệ cố.

Ở nơi Phật đạo nên đem tâm bình đẳng cứu tế. Vì sao như vậy? Vì ân huệ có thể bỏ thí,

勸助令起大道意。為沙門行善當如是。

Khuyến trợ lệnh khởi Đại đạo ý. Vì Sa-môn hành thiện đương như thị. khuyến khích khiến phát tâm đối với Đạo lớn. Vì Sa-môn hành thiện nên như thế này:

若沙門鬪諍即當和解。

Nhược Sa-môn đấu tránh tức đương hòa giải. Nếu có bậc Sa-môn đấu tranh nhau thì nên giải hòa, 若以法諍便當不惜身命為作法護。

Nhược dĩ Pháp tránh tiệm đương bất tích thân mạng vi tác Pháp hộ. nếu vì pháp đấu tranh thì không tiếc thân mạng quyết hộ trì pháp,

若比丘病困便當以身肉施與令差。其心不恨。一切德本以佛心為本。

Nhược bi khâu bệnh khốn tiệm đương dĩ thân nhục thí dữ lệnh sai. Kỳ tâm bất hận. Nhất thiết đức bản dĩ Phật tâm vi bản.

nếu có Tỳ-kheo bệnh tật thì nên lấy thịt mình bỏ thí cho họ, tâm không hối hận, tất cả công đức đó lấy tâm Phật làm gốc.

佛語長者。居家菩薩。以是比以是行以是瑞。

Phật ngữ Trưởng giả. Cư gia Bồ-tát. Dĩ thị bi dĩ thị hành dĩ thị thụy. Phật dạy Trưởng giả! Bồ-tát tại gia, lấy đó mà so sánh, lấy đó mà hành động, lấy đó mà làm tin

應當在家修道。

ứng đương tại gia tu đạo. thì phù hợp với con đường tu tập tại gia.

爾時郁迦長者。及諸迦羅越。

Nhĩ thời Úc-ca Trưởng giả. Cập chu ca la việt. Lúc bấy giờ Trưởng giả Úc-ca, cùng với các vị cư sĩ

皆同時舉聲言。甚難及天中天。

Giai đồng thời cử thanh ngôn. Thậm nan cập Thiên trung Thiên. đều đồng thưa rằng: Khó thay! Bạch Thế Tôn!

如來善說居家之穢為諸魔行。出家之德名譽闡聞。唯世尊。

Như Lai thiện thuyết cư gia chi uế vi chư ma hành. Xuất gia chi đức danh dự hiển văn. Duy Thế tôn.

Như Lai khéo nói những điều uế nhiễm của Bồ-tát tại gia vì những việc làm của ma. Công đức của bậc xuất gia đáng hiển dương khen ngợi. Kính bạch Thế Tôn!

我等亦眼見居家多有瑕垢。出家功德其行難量。

Ngã đặng diệc nhân kiến cư gia đa hữu hà câu. Xuất gia công đức kỳ hành nan lượng.

Chúng con cũng thấy người tại gia có nhiều lỗi lầm, công đức của bậc xuất gia thật khó đo lường

我等願從世尊受法。

Ngã đặng nguyện tòng Thế tôn thọ Pháp.

nên chúng con muốn theo Thế Tôn lãnh thọ Giáo pháp,

欲除鬚髮得為比丘敬受大戒。佛告諸長者。出家甚難。

Dục trừ tu phát đắc vi i khâu kính thọ Đại giới. Phật cáo chư Trưởng giả. Xuất gia thậm nan.

muốn cạo bỏ râu tóc làm bậc Tỳ-kheo, lãnh thọ đại giới. Phật dạy các vị Trưởng giả: Xuất gia rất khó!

常當專一守護禁法令無點缺。此諸長者。白佛言。世尊。

Thường đương chuyên nhất thủ hộ cấm Pháp lệnh vô điểm khuyết. Thử chư Trưởng giả. Bạch Phật ngôn. Thế tôn.

Phải thường chuyên tâm giữ gìn cấm giới không để khiếm khuyết. Các Trưởng giả đó bạch Phật rằng: Thua Thế Tôn!

出家有何為難。

Xuất gia hữu hà vi nan.

Xuất gia có gì là khó?

願如來加哀聽我等下鬚髮受其戒勅我等能受奉慎教令。

Nguyện Như Lai gia ai thỉnh ngã đặng hạ tu phát thọ kỳ giới sắc ngã đặng năng thọ phụng 慎 giáo lệnh.

Xin nguyện Như Lai gia tâm thương xót cho chúng con cắt tóc, thọ giới, chúng con có thể cẩn thận phụng trì giới luật Phật dạy.

佛即聽受令下鬚髮。於是佛告彌勒菩薩諸行清淨菩薩。

Phật tức thỉnh thọ lệnh hạ tu phát. Ư thị Phật cáo Di-lặc Bồ-tát chư hành thanh tịnh Bồ-tát.

Phật liền đồng ý cho thế phát. Lúc ấy đức Phật dạy Bồ-tát Di-lặc, Bồ-tát Chư Hành Thanh Tịnh,

持諸長者用付汝等下其鬚髮是長者等則為

Trì chư Trưởng giả dụng phó nhữ đặng hạ kỳ tu phát thị Trưởng giả đặng tắc vi Ta giao các vị Trưởng giả này cho các ông thế phát cho họ các vị Trưởng giả đó là những bậc

上士。彌勒菩薩。

Thượng sĩ. Di-lặc Bồ-tát.

Thượng sĩ. Bồ-tát Di-lặc

應時為千二百長者剃除去鬚髮。諸行清淨菩薩。

Ứng thời vi thiên nhị bách Trưởng giả thế trừ khứ tu phát. Chư hành thanh tịnh Bồ-tát.

lúc đó vì một ngàn hai trăm vị Trưởng giả cạo bỏ râu tóc. Bồ-tát Chư Hành Thanh Tịnh

為千二百長者除去鬚髮。佛說是居家菩薩戒德寂法品時。

Vi thiên nhị bách Trưởng giả trừ khứ tu phát. Phật thuyết thị cư gia Bồ-tát giới đức tịch Pháp phẩm thời.

vì một ngàn hai trăm Trưởng giả cạo bỏ râu tóc. Lúc Phật thuyết phẩm Giới Đức Tịch Pháp của Bồ-tát tại gia,

千二百人具足發無上正真道意。

Thiên nhị bách nhân cụ túc phát vô thượng chánh chân đạo ý.

một ngàn hai trăm người đều phát tâm Vô thượng Chánh Chơn.

二千五百菩薩得音響忍。四千天及人得柔順法忍。

Nhị thiên ngũ bách Bồ-tát đắc âm hưởng nhẫn. Tứ thiên Thiên cập nhân đắc nhu thuận Pháp nhẫn.

Hai ngàn năm trăm Bồ-tát đắc âm thanh nhẫn. Bốn ngàn trời người đắc nhu thuận pháp nhẫn.

止足品第七

Chi túc phẩm đệ thất

Phẩm thứ 7: Biết Đủ

是時郁迦長者。白佛言。如來無所著等正覺。

Thị thời Úc-ca Trường giả. Bạch Phật ngôn. Như Lai vô sở trú đẳng chánh giác. Lúc ấy Trường giả Úc-ca bạch Phật: Như Lai bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, 以說居家地之善惡。

Dĩ thuyết cư gia địa chi thiện ác。

nói về chỗ thiện ác của người tại gia,

於大乘所當行布施持戒忍辱精進一智慧。願世尊。

Ư Đại thừa sở đương hành bố thí trì giới nhẫn nhục tinh tấn nhất tâm trí tuệ. Nguyện Thế tôn。

đối với Đại thừa nên hành Bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, nhất tâm, trí huệ. Nguyện Thế Tôn

復說出家下鬚髮菩薩之行。持戒精進智慧止足之德。

Phục thuyết xuất gia hạ tu phát Bồ-tát chi hành. Trì giới tinh tấn trí tuệ chi túc chi đức。

lại nói về hạnh của các vị thế phát xuất gia làm Bồ-tát. Cái đức của sự trì giới, tinh tấn, trí huệ, chi túc。

天中天出家菩薩。云何下鬚髮奉行法律。

Thiên trung Thiên xuất gia Bồ-tát. Vân hà hạ tu phát phụng hành Pháp luật. Bạch đức Như Lai, Bồ-tát xuất gia đã cắt bỏ râu tóc xuất gia làm thế nào để phụng trì giới luật?

何謂為出家。其心無有異。其行不移易。

Hà vị vi xuất gia. Kỳ tâm vô hữu dị. Kỳ hành bất di dịch。

Thế nào gọi là xuất gia? Tâm không sai khác, hành động không chuyển đổi

亦不求迎逆禮叉手。佛言。善哉善哉長者。

Diệc bất cầu nghênh nghịch lễ xoa thủ. Phật ngôn. Thiện tai Thiện tai Trường giả。

cũng không cầu phải đánh lễ tiếp đón? Phật dạy: Hay thay! Hay thay! Này Trường giả,

乃問如來出家菩薩下鬚髮具足之行。佛言。

Nãi vấn Như Lai xuất gia Bồ-tát hạ tu phát cụ túc chi hành. Phật ngôn。

Ông có thể hỏi Như Lai hạnh đầy đủ của Bồ-tát xuất gia đã cắt bỏ râu tóc. Phật dạy:

長者諦聽善思念之。唯然世尊。郁迦長者受教而聽。

Trường giả đế thính thiện tư niệm chi. Duy nhiên Thế tôn. Úc-ca Trường giả thọ giáo nhi thính。

Trường giả hãy lắng nghe, khéo suy nghĩ! Vâng, thưa Thế Tôn! Úc-ca Trường giả lãnh thọ lắng nghe!

佛言。

Phật ngôn。

Phật dạy:

出家菩薩當作是念我何以故出家下鬚髮。當更念言。

Xuất gia Bồ-tát đương tác thị niệm ngã hà dĩ cố xuất gia hạ tu phát. Đương canh niệm ngôn.

Bồ-tát xuất gia phải nghĩ thế này: Tại sao mình lại xuất gia cạo bỏ râu tóc? Lại nghĩ rằng,

我用欲具足佛法故出家下鬚髮。常念精進於智慧無所著。

Ngã dụng dục cụ túc Phật Pháp cố xuất gia hạ tu phát. Thường niệm tinh tấn u trí tuệ vô sở trú.

Ta vì muốn đầy đủ Phật pháp cho nên xuất gia cạo bỏ râu tóc, thường niệm tinh tấn đối với trí tuệ không chấp trước

如火在頭憂救然熾。出家已便當行入。住於賢聖。

Như hỏa tại đầu ưu cứu nhiên sí. Xuất gia dĩ tiện đương hành nhập. Trụ u hiền Thánh.

như cứu lửa cháy ở trên đầu. Xuất gia rồi liền phải nên thực hành, nương vào Thánh Hiền.

如是知知足。知知足為名聞。

Như thị tri chí túc. Tri chí túc vi Danh-Văn.

Biết đủ như là biết đủ túc vì danh văn;

於是分衛知知足。分衛知知足為名聞。

Ư thị phân vệ tri chí túc. Phân vệ tri chí túc vi Danh-Văn.

biết đầy đủ đối với việc khát thực, biết đủ đối với việc khát thực vì danh văn;

於是於床臥知知足。於床臥知知足為名聞。

Ư thị u sàng ngọa tri chí túc. Ư sàng ngọa tri chí túc vi Danh-Văn.

biết đủ đối với giường nằm, biết đủ đối với giường nằm vì danh văn;

於是於病瘦醫藥衣服知知足。

Ư thị u bệnh sấu y dược y phục tri chí túc.

khi bệnh tật phải biết đủ đối với thuốc men y phục,

於病瘦醫藥衣服知知足為名聞。長者。是謂賢聖之行。立是中致諸佛法。

Ư bệnh sấu y dược y phục tri chí túc vi Danh-Văn. Trưởng giả. Thị vị hiền Thánh chi hành. Lập thị trung trí chư Phật Pháp.

biết đủ đối với thuốc men y phục vì danh văn. Này Trưởng giả! Đó là việc làm của Thánh Hiền, là các bậc trụ cột cho Phật pháp

所謂為賢聖行也。佛告長者。

Sở vị vi hiền Thánh hành dã. Phật cáo Trưởng giả.

cho nên gọi là việc làm của Thánh Hiền vậy. Phật dạy Trưởng giả!

出家菩薩有十事行著身衣被為知知足。何等為十。

Xuất gia Bồ-tát hữu thập sự hành trú thân y bị vi tri chí túc. Hà đẳng vi thập.

Các vị Bồ-tát xuất gia có mười việc để che thân như y phục chần nệm thì cần biết đủ. Thế nào là mười việc?

一者身著衣被常慚愧。二者身著袈裟護諸愛欲。

Nhất giả thân trú y bị thường tàm quý. Nhị giả thân trú cà-sa hộ chư ái dục.

Một là thân đắp mặc y phục phải biết tàm quý. Hai là thân đắp cà-sa để hộ trì ái dục,

無所著故。三者為沙門之服。令無所見令無所念。

Vô sở trú cố. Tam giả vi Sa-môn chi phục. Lệnh vô sở kiến lệnh vô sở niệm.

không có sự chấp trước. Ba là mặc áo Sa-môn, khiến cho không có sở kiến sở niệm.

四者具袈裟之福為祐諸天人。

Tứ giả cụ cà-sa chi phúc vi hữu chư Thiên thế nhân.

Bốn là đầy đủ phúc của cà-sa vì ủng hộ chư Thiên và loài Người.

五者所以著袈裟心不以好樂欲。不習欲故。

Ngũ giả sở dĩ trú cà-sa tâm bất dĩ hảo lạc dục. Bất tập dục cố.

Năm là sở dĩ đắp cà-sa vì tâm không ham muốn dục lạc, không theo thói quen ái dục.

六者以善權意滅諸婬塵。七者知知足為善本。

Lục giả dĩ thiện quyền ý diệt chư dâm trần. Thất giả tri chi túc vi thiện bản. Sáu là ý khéo dùng phương tiện để diệt trừ dâm dục trần cấu. Bảy là, biết đủ là gốc rễ của thiện pháp,

故受是衣。八者棄捐諸惡為善因緣。

Cố thọ thị y. Bát giả khí quyền chư ác vi thiện nhân duyên.

cho nên thọ nhận y phục này. Tám là vứt bỏ các việc ác làm nhân duyên để sanh khởi các việc thiện.

九者於賢聖道不轉。於一心精進。

Cửu giả ư hiền Thánh đạo bất chuyển. Ư nhất tâm tinh tấn.

Chín là ở đạo Thánh Hiền không thay đổi, tinh tấn nhất tâm.

十者願令我一心著袈裟究竟。長者是為十事。

Thập giả nguyện lệnh ngã nhất tâm trú cà-sa cứu cánh. Trưởng giả thị vi thập sự.

Mười là nguyện một lòng được mặc cà-sa trọn đời. Nay Trưởng giả! Đó là mười việc出家菩薩著袈裟為止足之行。

Xuất gia Bồ-tát trú cà-sa vi chi túc chi hành.

Bồ-tát xuất gia mặc cà-sa vì hạnh biết đủ.

復有十事。當盡形壽行分衛。何等為十事。

Phục hữu thập sự. Đương tận hình thọ hành phân vệ. Hà đẳng vi thập sự.

Lại có mười việc khác, phải nên cố gắng thọ nhận mọi hình thức khát thực. Thế nào là mười việc?

一者自有智德不待須人。

Nhất giả tự hữu trí đức bất đãi tu nhân.

Một là tự mình có trí đức đợi chờ ở người.

二者若有人與我分衛。先當立於三乘。然後受其分衛。

Nhị giả nhược hữu nhân dữ ngã phân vệ. Tiên đương lập ư tam thừa. Nhiên hậu thọ kỳ phân vệ.

Hai là nếu có người bố thí cho ta, trước phải an trú trong Tam thừa, sau đó mới thọ nhận sự bố thí.

三者若人不與我分衛。吾於彼當起大哀。

Tam giả nhược nhân bất dữ ngã phân vệ. Ngô ư bỉ đương khởi đại ai.

Ba là nếu người không bố thí cho ta, ta nên vì họ mà khởi tâm thương xót.

四者若人布施與於我。當精進食當有所成。

Tứ giả nhược nhân bố thí dữ ư ngã. Đương tinh tấn thực đương hữu sở thành.

Bốn là nếu người bố thí cho ta, nên tinh tấn nguyện ăn vì thành tựu đạo nghiệp.

五者不失如來教。六者發意頃使一心知足。

Ngũ giả bất thất Như Lai giáo. Lục giả phát ý khoảnh sử nhất tâm tri chi túc.

Năm là không để mất giáo pháp của Như Lai. Sáu là phát tâm trong chốc lát khiến một lòng biết đủ.

七者習行令無憍慢。

Thất giả tập hành lệnh vô kiêu mạn.

Bảy là thực hành khiến tâm không kiêu mạn.

八者從是功德致得無見頂上者。九者人見我亦當效我所學。

Bát giả tòng thị công đức trí đắc vô kiến đỉnh thượng giả. Cửu giả nhân kiến ngã diệc đương hiệu ngã sở học.

Tám là từ công đức này đắc Vô Kiến Đỉnh Thượng. Chín là người thấy ta thì học theo ta.

十者一切男女小大布施與我。

Thập giả nhất thiết nam nữ tiều Đại bố thí dữ ngã.

Mười là tất cả nam nữ lớn nhỏ đều bố thí cho ta,

我當等心於一切專志致得一切智。長者是為十事行。

Ngã đương đẳng tâm u nhất thiết chuyên chí trí đắc nhất thiết trí. Trưởng giả thị vi thập sự hành.

Ta phải đem tâm bình đẳng đối với tất cả chuyên tâm cầu đạt Nhất thiết trí. Nay Trưởng giả đó là mười việc.

出家菩薩不捨分衛。

Xuất gia Bồ-tát bất xả phân vệ.

Bồ-tát xuất gia không rời bỏ khát thực.

若有知識當令歡喜無有悔恨所至到處適無所慕何況著吾我亦無諛諂。

Nhược hữu trí thức đương lệnh hoan hỷ vô hữu hối hận sở chí đáo xứ thích vô sở mộ hà hưởng trú ngô ngã diệc vô du siểm.

Nếu có bậc trí thức phải nên khiến họ hoan hỷ, không có sự hối hận, cho đến chỗ ở ưa thích cũng không mến tiếc hưởng gì đắm trước vào cái ta, cũng không nên siểm nịnh.

在所飲處。於身有所益。亦能人所願具足。

Tại sở ẩm xứ. Ư thân hữu sở ích. Diệc năng nhân sở nguyện cụ túc.

Việc ăn uống, đối với thân có lợi ích, cũng nên có thể vì người nguyện cầu cho đầy đủ.

佛言長者。我聽使分衛。菩薩在草褥樹下。

Phật ngôn Trưởng giả. Ngã thính sử phân vệ. Bồ-tát tại thảo nhục thụ hạ.

Phật dạy Trưởng giả: Ta đã nói xong phần khát thực. Bồ-tát ngồi trên đệm cỏ dưới gốc cây,

若在塚間護戒有十事念。何等為十。

Nhược tại trùng gian hộ giới hữu thập sự niệm. Hà đẳng vi thập.

hoặc ở gò mã cao mà hộ trì giới phải nghĩ đến mười điều. Những gì là mười?

一者已斷諸我所有行。二者無我無所受。

Nhất giả dĩ đoạn chư ngã sở hữu hành. Nhị giả vô ngã vô sở thọ.

Một là đã đoạn các việc làm vì ngã sở. Hai là vô ngã vô sở thọ.

三者閑居開戶置床坐。四者遠離愛欲諸著。

Tam giả tại nhàn cư khai hộ trí sàng tọa. Tứ giả viễn li ái dục chu trú.

Ba là phải ở nơi an nhàn mở cửa đặt giường để ngồi thiền. Bốn là xa lìa sự đắm trước ái dục.

五者少求無所著念諸德本。六者不惜身命但樂空閑。

Ngũ giả thiểu cầu vô sở trú niệm chư đức bản. Lục giả bất tích thân mạng dẫn lạc không nhàn.

Năm là sớm cầu quả Vô sở trước, nhớ nghĩ cội gốc công đức. Sáu là không tiếc thân mạng chỉ thích sống nơi tịch tịnh.

七者棄遠諸會。八者所作罪皆消滅。

Thất giả khí viễn chư hội. Bát giả sở tác tội giai tiêu diệt.

Bảy là xa rời các cuộc hội họp. Tám là các tội lỗi đã làm đều được tiêu trừ.

九者一心三昧無瑕穢。十者念空出入守意。

Cửu giả nhất tâm tam muội vô hà uest. Thập giả niệm không xuất nhập thụ ý.

Chín là được Nhất Tâm Tam Muội không còn lỗi lầm. Mười là niệm vắng lặng ra vào đều giữ ý.

長者是為十事。出家菩薩在樹下草褥坐。

Trưởng giả thị vi thập sự. Xuất gia Bồ-tát tại thụ hạ thảo nhục tọa.

Nay Trưởng giả! Đó là mười việc. Bồ-tát xuất gia ngồi trên đệm cỏ dưới gốc cây.

假使詣法會若師和上及問訊病者。

Giả sử nghệ Pháp hội nhược sư hòa thượng cập vấn tân bệnh giả.

Giả sử đến pháp hội nhờ các bậc Hòa thượng thăm hỏi bệnh tình,

到精舍適自身行。身心當俱往。若行受學諷誦經者。

đáo tịnh xá thích tự thân hành. Thân tâm đương câu vãng. Nhược hành thọ học

phúng tụng Kinh giả.

muốn đến tịnh xá nên tự mình đi, thân tâm phải là một. Nếu đến cầu học hỏi Kinh

điền thì

當解諸慧。於精舍房處。於閑居思惟。

Đương giải chư tuệ. Ở Tịnh Xá phòng xử. Ở nhàn cư tư duy.

nên hiểu các tuệ, ở phòng ốc của tịnh xá, an nhàn tư duy.

所以者何。在閑居者。當精進求法。

Sở dĩ giả hà. Tại nhàn cư giả. Đương tinh tấn cầu Pháp.

Vì sao như vậy? Vì ở nơi thanh tịnh nên tinh tấn cầu Pháp.

一切所有非我想。一切法為他人想。

Nhất thiết sở hữu phi ngã tưởng. Nhất thiết Pháp vi tha nhân tưởng.

Tất cả những gì đang có thì nghĩ là chẳng phải của ta, tất cả các pháp đều nghĩ

vì người khác.

佛言。出家菩薩習行醫藥有十事。何等為十。

Phật ngôn. Xuất gia Bồ-tát tập hành y dược hữu thập sự. Hà đẳng vi thập.

Phật dạy: Bồ-tát xuất gia học theo mười việc đối với thuốc men. Thế nào là mười?

一者我當得如來世尊之智。

Nhất giả ngã đương đắc như lai thế tôn chi trí.

Một là ta phải đắc trí của Như Lai Thế Tôn.

二者不從他人取足。三者不復習瑕穢不淨想。

Nhị giả bất tòng tha nhân thủ túc. Tam giả bất phục tập hà uế bất tịnh tưởng.

Hai là không từ người khác mà thọ nhận đầy đủ. Ba là không học theo những tư

tưởng bất tịnh, cấu uế.

四者我當住清淨。五者不復念諸欲味棄諸著。

Tứ giả ngã đương trụ thanh tịnh. Ngũ giả bất phục niệm chư dục vị khí chư trụ.

Bốn là ta phải sống thanh tịnh. Năm là không nhớ nghĩ các mùi vị dục lạc, xả bỏ

sự đắm trước.

六者我當於凡夫有差特。

Lục giả ngã đương ư phàm phu hữu sai đặc.

Sáu là ta phải có sự sai khác biệt đối với phàm phu.

七者諸善味當自然現我前。八者以醫藥斷諸塵勞。九者斷自諸見著。

Thất giả chư thiện vị đương tự nhiên hiện ngã tiền. Bát giả dĩ y dược đoạn chư

trần lao. Cửu giả đoạn tự chư kiến trụ.

Bảy là các mùi vị ngon sẽ tự nhiên hiện ra trước ta. Tám là dùng các thứ thuốc

men để đoạn các trần lao. Chín là đoạn được các kiến chấp.

十者疾斷諸病瘦得安隱。長者是為十事行。

Thập giả tật đoạn chư bệnh sấu đắc an ổn. Trưởng giả thị vi thập sự hành.

Mười là nhanh chóng đoạn được các bệnh tật thân được an ổn. Nay Trưởng giả! Đó

là mười việc nên hành trì.

出家菩薩盡形壽當習醫藥。

Xuất gia Bồ-tát tận hình thọ đương tập y dược.

Bồ-tát xuất gia nên đem hết thân mạng thực hành như thuốc men chữa bệnh.

閑居品第八
Nhàn cư phẩm đệ bát
Phẩm thứ Tám: Nhàn Cư

復次長者。出家菩薩在閑居行。當作是念言。

Phục thứ Trưởng giả. Xuất gia Bồ-tát tại nhàn cư hành. Đương tác thị niệm ngôn.
Lại nữa Trưởng giả! Bồ-tát xuất gia tu tập nơi thanh vắng, cần suy nghĩ như sau:
我何故來在閑居。當復更念言。

Ngã hà cố lai tại nhàn cư. Đương phục canh niệm ngôn.
Ta vì sao phải đến nơi thanh vắng này? Lại suy nghĩ tiếp:
不但在閑居為沙門也。所以者何。

Bất đăn tại nhàn cư vi Sa-môn dã. Sở dĩ giả hà.
Không phải sống nơi thanh vắng là bậc Sa-môn. Vì sao như vậy?

彼閑居大有不調定不成就。無法則無義理者。

Bỉ nhàn cư Đại hữu bất điều định bất thành tựu. Vô Pháp tắc vô nghĩa lý giả.
Vì ở nơi thanh vắng có nhiều thứ không điều phục trong định thì không thành tựu,
không theo phép tắc thì không nghĩa lý.

謂麀鹿飛鳥之眾蟲狐獼猴。

Vị chương lộc phi điều chi chúng cổ hồ mi hầu.
Nghĩa như những loài chương, hươu, chim, cò, cáo, khi cái,
野人摩睺勒射獵賊此不名為沙門。我所用來在閑居當具足此願。

Dã nhân ma-hầu-lặc xạ liệp tặc thử bất danh vi Sa-môn. Ngã sở dụng lai tại nhàn cư đương cụ túc thử nguyện.
người rừng, ma-hầu-lặc, thợ săn, những người này đều không phải là Sa-môn. Ta đến ở nơi thanh vắng thì phải đầy đủ nguyện lực này.

謂沙門之義。長者何等為出家菩薩沙門義乎。

Vị Sa-môn chi nghĩa. Trưởng giả hà đẳng vi xuất gia Bồ-tát Sa-môn nghĩa hồ.
Gọi là nghĩa của Sa-môn. Này Trưởng giả! Những gì là nghĩa của Sa-môn Bồ-tát xuất gia?

謂意不亂得諸總持諸解諸慧具足所聞。

Vị ý bất loạn đắc chư tổng trì chư giải chư tuệ cụ túc sở văn.
Nghĩa là ý không tạp loạn, đạt được pháp Tổng trì, sự hiểu biết, các trí tuệ các huệ, chỗ nghe học được đầy đủ.

於是得高明。習於大慈不捨大哀。得五神通。

Ư thị đắc cao minh. Tập ư Đại từ bất xả Đại ái. Đắc ngũ Thần thông.
Từ đó đạt được trí tuệ lớn. Thực hành đại từ không lìa đại bi, được năm thứ thần thông,

六度無極。其心自在不捨一切智。

Lục độ vô cực. Kỳ tâm tự-tại bất xả nhất thiết trí.
Lục độ vô cực, tâm được tự tại không lìa Nhất thiết trí.

所說輒以善權之智。以法施一切。開道人民。

Sở thuyết triếp dĩ thiện quyền chi trí. Dĩ Pháp thí nhất thiết. Khai đạo nhân dân.

Những lời nói ra đều phải dùng trí tuệ phương tiện quyền xảo, đem pháp bố thí cho tất cả, khai đạo cho mọi người.

不違四恩之行。念於六念。聞已即習。精進一心。

Bất vi tứ ân chi hành. Niệm ư lục niệm. Văn dĩ tức tập. Tinh tấn nhất tâm.
Việc làm không trái với bốn ân, nhớ nghĩ sáu niệm, nghe rồi làm theo, nhất tâm tinh tấn,

奉法正解。一心得道慧不離寂定之處。

Phụng Pháp chánh giải. Nhất tâm đắc đạo慧不離寂定之處。

hiểu rõ và phụng trì chánh pháp, một lòng đạt đến trí tuệ của đạo, không rời cảnh giới thiền định tịch tịnh.

護於正法及因緣罪福。以直見斷一切念無念。

Hộ u chánh Pháp cập nhân duyên tội phúc. Dĩ trực kiến đoạn nhất thiết niệm vô niệm.

Phải hộ trì chánh pháp và các nhân duyên tội phước; nhờ trí tuệ ngay thẳng đoạn tất cả niệm hoặc vô niệm;

以直念而願說法。常行直言斷諸罪。具足福行。

Dĩ trực niệm nhi nguyện thuyết Pháp. Thường hành trực ngôn đoạn chu tội. Cụ túc phúc hành.

đem niệm ngay thẳng mà nguyện thuyết Pháp, thường hành trì lời nói ngay thẳng để trừ tội lỗi, đầy đủ các việc làm phước thiện;

以直治斷諸所有著止。以直業至於佛道。

Dĩ trực trị đoạn chu sở hữu trú chí. Dĩ trực nghiệp chí u Phật đạo.

lấy trị ngay thẳng để đoạn các sự đắm trước, dùng nghiệp ngay thẳng tiến đến Phật đạo,

行直方便。於諸法無意著止。以直意得一切智。

Hành trực phương tiện. U chu Pháp vô ý trú chí. Dĩ trực ý đắc nhất thiết trí.

thực hành phương tiện ngay thẳng, đối với các pháp ý không vướng mắc; nhờ ý ngay thẳng để đạt Nhất thiết trí;

行直定於空無恐怖。

Hành trực định u không vô khủng phổ.

thực hành định ngay thẳng nơi tánh không, không còn lo sợ;

行無想於我無願無所起為。至誠擁護於經義。

Hành vô tưởng u ngã vô nguyện vô sở khởi vi. Chí thành ủng hộ u Kinh nghĩa. thực hành vô tưởng đối với ngã không mong cầu, không phát khởi hành vi, chí thành ủng hộ đối với nghĩa của kinh điển,

不離法義亦無有人。長者是為菩薩出家沙門義也。

Bất ly Pháp nghĩa diệc vô hữu nhân. Trưởng giả thị vi Bồ-tát xuất gia Sa-môn nghĩa dã.

không xa lìa nghĩa của Pháp cũng không có người ủng hộ. Này Trưởng giả! Đó là nghĩa của Sa-môn Bồ-tát xuất gia.

彼出家菩薩不習眾事。當作是念言。

Bỉ xuất gia Bồ-tát bất tập chúng sự. Đương tác thị niệm ngôn.

Bồ-tát xuất gia đó không nên làm theo một số việc, nên nghĩ thế này:

我當為一切人習德本。不獨一人習善本。佛言長者。

Ngã đương vi nhất thiết nhân tập đức bản. Bất độc nhất nhân tập thiện bản. Phật ngôn Trưởng giả.

Ta phải vì tất cả mọi người thực hành cội gốc công đức, không chỉ riêng vì một người nào thực hành các việc lành. Phật dạy Trưởng giả:

出家菩薩當習四事。如來所知。何等為四。

Xuất gia Bồ-tát đương tập tứ sự. Như Lai sở tri. Hà đẳng vi tứ.

Bồ-tát xuất gia nên thực hành bốn việc mà Như Lai đã biết. Những gì là bốn?

一者習法會。二者習為他人說。

Nhất giả tập Pháp hội. Nhị giả tập vi tha nhân thuyết.

Một là thực hành Pháp hội. Hai là thực hành vì người khác nói Pháp.

三者習供養奉事如來。四者習不斷佛乘意。是為四習。

Tam giả tập cung dưỡng phụng sự Như Lai. Tứ giả tập bất đoạn Phật thừa ý. Thị vi tứ tập.

Ba là thực hành phụng sự cúng dường Như Lai. Bốn là thực hành không dứt ý nghĩ đến Phật thừa. Đó là bốn việc cần thực hành,
常解脫諸多習。

Thường giải thoát chư đa tập.
thường giải thoát các tập khí.

若在閑居。當作念言。我何以故。來在閑居。

Nhược tại nhàn cư. Đương tác niệm ngôn. Ngã hà dĩ cố. Lai tại nhàn cư.
Hoặc tại nơi thanh vắng thì nên nghĩ thế này: Ta vì sao lại đến nơi thanh vắng này?

當復更念言。

Đương phục canh niệm ngôn.

Lại nên nghĩ rằng:

我用恐懼故來至於此何等恐懼。畏聚會習姪怒癡。

Ngã dụng khủng cụ cố lai chí ư thủ hà đẳng khủng cụ. Úy tụ hội tập dâm nô si.
Ta vì sự lo sợ nên đến nơi đây. Lo sợ những gì? Sợ những tập khí dâm dục, sân
nhuế, ngu si tập hội;

畏貢高怒慢害意於人。畏於貪嫉。畏於色聲香味細滑之念。

Úy cống cao nô mạn hại ý ư nhân. Úy ư tham tật. Úy ư sắc thanh hương vị tế hoạt
chi niệm.

sợ sự cống cao, kiêu mạn, tổn hại đối với người; sợ tham lam, tật đố; sợ khỏi
niệm đối với sắc, thanh, hương, vị, xúc;

畏於身魔欲魔罪魔天魔。畏於非常為常想。

Úy ư thân ma dục ma tội Ma Thiên ma. Úy ư phi thường vi thường tưởng.

sợ đối với thân ma, dục ma, tội ma, thiên ma; sợ ở nơi vô thường mà nghĩ là
thường;

畏於苦為樂想。畏無實為實想。

Úy ư khổ vi lạc tưởng. Úy vô thật vi thật tưởng.

sợ ở nơi khổ mà nghĩ là vui; sợ ở nơi không thật mà nghĩ là thật;

畏無我有我想。畏有吾我。

Úy vô ngã hữu ngã tưởng. Úy hữu ngô ngã.

sợ Vô ngã mà nghĩ là Ngã; sợ có cái Ngã của ta;

畏於狐疑不正思想猶豫姪嫉。畏惡知識。畏於愛欲無點。

Úy ư hồ nghi bất chánh tư tưởng do dự dâm dật. Úy ác tri thức. Úy ư ái dục vô
hiệt.

sợ những điều nghi ngờ, suy nghĩ bất chánh, do dự, dâm dục; sợ ác tri thức; sợ
sự ái dục không trong sáng;

畏心意識不調良。畏諸蓋覆蔽諸求。畏自見身。

Úy tâm ý thức bất điều lương. Úy chư cái phúc tế chư cầu. Úy tụ kiến thân.

sợ tâm, ý, thức không được điều phục; sợ các triền cái ngăn che các điều mong
cầu; sợ tụ thấy thân;

畏財利諸色。畏求處見。畏念無念他念。

Úy tài lợi chư sắc. Úy cầu xử kiến. Úy niệm vô niệm tha niệm.

sợ các sắc dục tài lợi; sợ cầu chỗ thấy; sợ suy nghĩ về Vô niệm Tha niệm;

畏不見言見。不聞言聞。無意無識所言。畏沙門垢。

Úy bất kiến ngôn kiến. Bất văn ngôn văn. Vô ý vô thức sở ngôn. Úy Sa-môn cầu.

sợ không thấy nói thấy, không nghe nói nghe, điều nói ra không có ý, không có
thức; sợ những cầu uế của Sa-môn;

畏種種行。畏於欲界色界無色界。

Úy chủng chủng hành. Úy ư dục giới sắc giới vô sắc giới.

sợ các loại hành vi; sợ các cõi Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới;

畏於地獄畜生餓鬼。畏所生八難。畏所生五道。

Úy u Địa-ngục súc sanh ngạ quỷ. Úy sở sanh bát nạn. Úy sở sanh ngũ đạo.
sợ các cõi địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh; sợ sanh vào bát nạn; sợ sanh vào Ngũ
đạo;

畏於卒念諸不善法。我所以來至此。不可以在家。

Úy u tốt niệm chư bất thiện Pháp. Ngã sở dĩ lai chí thử. Bất khả dĩ tại gia.
sợ những tạp niệm các pháp bất thiện. Ta đến đây, không thể ở nhà,

於諸會憤鬧中。一心為念空。以是恐懼解脫。

Ư chư hội hội nháo trung. Nhất tâm vi niệm không. Dĩ thị khùng cụ giải thoát.
không ở những nơi náo nhiệt ồn ào, nhất tâm giữ niệm rỗng lặng, để giải thoát
những lo sợ,

怖畏諸過去。菩薩皆因恐畏解脫。蒙閑居力。

Bồ úy chư quá khứ. Bồ-tát giai nhân khùng úy giải thoát. Mông nhàn cư lực.
những lo sợ trong quá khứ. Bồ-tát đều do sự lo sợ đó mà giải thoát, nhờ trợ lực
của cuộc sống nơi thanh vắng

得脫於恐懼。得佛道無畏。當來現在十方諸菩薩。

Đắc thoát u khùng cụ. Đắc Phật đạo vô úy. Đương lai hiện tại thập phương chư Bồ-
tát.

mà giải thoát mọi sợ hãi, được Phật đạo Vô úy. Chư Bồ-tát mười phương ở hiện tại
và tương lai

皆以恐懼脫於怖畏。蒙閑居力。得佛道無畏。

Giai dĩ khùng cụ thoát u bố úy. Mông nhàn cư lực. Đắc Phật đạo vô úy.
đều đem sự sợ hãi để giải thoát sự sợ hãi, nhờ trợ lực cuộc sống nơi thanh vắng
mà được đắc Phật đạo không lo sợ.

我以恐懼越一切畏住閑居。

Ngã dĩ khùng cụ việt nhất thiết úy trụ nhàn cư.

Ta nhờ sự sợ hãi để vượt qua tất cả lo sợ đến sống ở nơi thanh vắng.

一切諸恐用受我故。住於吾著於我。污染於身愛。

Nhất thiết chư khùng dụng thọ ngã cố. Trụ u ngô trú u ngã. ô nhiễm u thân ái.
Tất cả những điều lo sợ đều đến vào thân ta, sống với cái ta, chấp trước cái ta,
nhiễm ô đối với sự yêu thích cái thân,

著我起於我。有我想有吾見。謂有身念於我。

Trú ngã khởi u ngã. Hữu ngã tướng hữu ngô kiến. Vị hữu thân niệm u ngã.
chấp ngã khởi lên từ ngã, có ngã tướng, có ngã kiến tức là có thân mà khởi suy
nghĩ về ngã.

用護我身來至閑居。欲斷我受用。護吾無因緣。

Dụng hộ ngã thân lai chí nhàn cư. Dục đoạn ngã thọ dụng. Hộ ngô vô nhân duyên.
Vì muốn hộ thân ta nên phải đến sống nơi thanh vắng, vì muốn đoạn những nhu cầu
của ta; hộ trì ta không có điều kiện,

當令我在閑居。得等義無畏。在閑居者無我想。

Đương lệnh ngã tại nhàn cư. Đắc đẳng nghĩa vô úy. Tại nhàn cư giả vô ngã tướng.
nên ta phải sống ở nơi thanh vắng, được các nghĩa vô úy. Người sống nơi thanh
vắng không còn ngã tướng,

在閑居者無他人想。在閑居者無得想。

Tại nhàn cư giả vô tha nhân tướng. Tại nhàn cư giả vô đắc tướng.

người sống nơi thanh vắng không còn tướng Tha nhân, người sống nơi thanh vắng
không còn suy nghĩ chúng đắc,

在閑居者無自見身跡也。在閑居者無有求住想。

Tại nhàn cư giả vô tự kiến thân tích dã. Tại nhàn cư giả vô hữu cầu trụ tướng.

người sống nơi thanh vắng không còn thấy thân mình, người sống nơi thanh vắng không còn trú vào những suy nghĩ mong cầu,

在閑居者無有泥洹想。何況當有婬塵想。

Tại nhân cư giả vô hữu nê hoàn tướng. Hà hưởng đương hữu dâm trần tướng. người sống nơi thanh vắng không còn nghĩ đến Niết-bàn hưởng gì còn nghĩ đến sự dâm dục thế gian.

所以名為閑居。於一切法無所住。

Sở dĩ danh vi nhân cư. Ư nhất thiết Pháp vô sở trú.
Sở dĩ gọi là nhân cư là đối với tất cả pháp không chỗ trú,
哀護居三界者。一切畏想。無有習居想。

Ai hộ cư tam giới giả. Nhất thiết úy tướng. Vô hữu tập cư tướng.
thương xót hộ trì chúng sanh trong tam giới; tất cả ý nghĩ sợ hãi, không có tu tướng sống theo tập cư;
於色聲香味細滑無所居想。一切三昧無有諍亂居。

Ư sắc thanh hương vị tế hoạt vô sở cư tướng. Nhất thiết tam muội vô hữu tránh loạn cư.

không còn tu tướng ở với sắc, thanh, hương, vị xúc; tất cả tam muội không còn tranh loạn,

調定其意寂定居。棄諸重擔所居無懼。

Điều định kỳ ý tịch định cư. Khí chu trọng đơm sở cư vô cụ.
điều phục ý mình an trú vào định tịch diệt, vứt bỏ các gánh nặng sống trong sự không sợ hãi,

超越諸界已度使水。於諸有無所居。於賢聖行無念居。

Siêu việt chư giới dĩ độ sử thủy. Ư chu hữu vô sở cư. Ư hiền Thánh hành vô niệm cư.

vượt khỏi các cõi độ tận các kiết sử. Đối với cuộc sống của sự có và sự không; đối với cuộc sống vô niệm của bậc Hiền Thánh thực hành thì

一心知止足居。在草褥居。深入慧居。

Nhất tâm tri chí túc cư. Tại thảo nhục cư. Thâm nhập tuệ cư.
sống phải nhất tâm tri túc như sống trên đệm cỏ, thâm nhập trí huệ,
精進一心居戒居。斷諸縛著牢獄為解脫居。

Tinh tấn nhất tâm cư giới cư. Đoạn chu phục trú lao ngục vì giải thoát cư.
tinh tấn nhất tâm sống cùng giới luật; sống vì sự giải thoát nên đoạn trừ các trói buộc lao ngục;

空無想無願居。得三脫門調柔無所去居。

Không vô tướng vô nguyện cư. Đắc tam thoát môn điều nhu vô sở khứ cư.
sống với Không, Vô tướng, Vô nguyện, đắc tam giải thoát môn, nhu hòa không còn chỗ đến đi.

意觀十二因緣。所作已辦居。入於寂定。

Ý quán thập nhị nhân duyên. Sở tác dĩ辦 cư. Nhập ư tịch định.
Ý phải quán sát mười hai nhân duyên, việc làm đều xong, nhập định tịch diệt,
譬如長者山澤有樹草木野牛象馬不恐不怖。如是長者。

Thí như Trưởng giả sơn trạch hữu thụ thảo mộc dã ngưu tượng mã bất khủng bất phổ. Như thị Trưởng giả.
thí như Trưởng giả ở trong đầm núi có cây cỏ, trâu bò, voi ngựa, không sợ không hãi.

Như vậy này Trưởng giả!

出家菩薩在閑居行視其身。

Xuất gia Bồ-tát tại nhân cư hành thị kỳ thân.
Bồ-tát xuất gia sống ở nơi thanh vắng phải quán sát thân mình

如草木無毛髮之想。見身如是。當精進行。不當起我想。

Như thảo mộc vô mao phát chi tưởng. Kiến thân như thị. Đương tinh tấn hành. Bất đương khởi ngã tưởng.

như cây cỏ không có tu tưởng vụn vặt. Quán sát thân như vậy, thường hành tinh tấn, không nên khởi Ngã tưởng

便無恐懼。觀其身空。是身無我無人無壽無命。

Tiên vô khủng cụ. Quán kỳ thân không. Thị thân vô ngã vô nhân vô thọ vô mạng. liền không còn sợ hãi. Quán thân mình vốn không, thân này vô Ngã, vô Nhơn, vô Thọ, vô Mạng,

從心有恐諸眾庶人。用愛欲故當有畏懼。

Tòng tâm hữu khủng chư chúng thứ nhân. Dụng ái dục cố đương hữu úy cụ. từ nơi tâm mà có sự sợ hãi với mọi người. Vì ái dục nên có sự sợ hãi,

我以離念當為善想。

Ngã dĩ ly niệm đương vi thiện tưởng.

Ta muốn xa lìa niệm thì phải nghĩ thiện.

譬如山澤中草木野牛不恐不怖。見一切法。皆他人許在空閑居當如是。

Thí như sơn trạch trung thảo mộc dã ngưu bất khủng bất phố. Kiến nhất thiết Pháp. Giai tha nhân hứa tại không nhân cư đương như thị.

Thí như trong đầm núi cây cỏ, trâu bò, không sợ không hãi. Thấy tất cả pháp đều vì người khác, sống ở nơi thanh vắng nên phải làm như vậy.

所以者何。在閑居者斷諸想。

Sở dĩ giả hà. Tại nhân cư giả đoạn chư tưởng.

Vì sao như vậy? Vì người ở nơi thanh vắng đoạn được mọi tu tưởng,

離婬嫉諸染汚。在閑居者為如他無我無所受。出家菩薩。

Ly dâm tật chư nhiễm ô. Tại nhân cư giả vi như tha vô ngã vô sở thọ. Xuất gia Bồ-tát.

xa lìa mọi thứ ô nhiễm của dâm dục. Người sống ở nơi thanh vắng là như người vô ngã vô sở thọ. Bồ-tát xuất gia,

在閑居行當作是學。

Tại nhân cư hành đương tác thị học.

sống ở nơi thanh vắng phải học những điều như sau:

在閑居者當柔軟守護戒品。在閑居者和順定品。

Tại nhân cư giả đương nhu nhuễn thủ hộ giới phẩm. Tại nhân cư giả hòa thuận định phẩm.

Người sống ở nơi thanh vắng phải uyển chuyển giữ gìn giới phẩm, người sống nơi thanh vắng phải an trú trong thiền định,

在閑居者懷來智慧品。在閑居者懷來解脫品。

Tại nhân cư giả hoài lai trí tuệ phẩm. Tại nhân cư giả hoài lai giải thoát phẩm.

người sống nơi thanh vắng nhớ nghĩ đến trí huệ, người ở nơi thanh vắng thường nghĩ đến sự giải thoát,

在閑居者住於度知見品。在閑居者愛護佛法品。

Tại nhân cư giả trụ ư độ tri kiến phẩm. Tại nhân cư giả ái hộ Phật Pháp phẩm.

người sống nơi thanh vắng trú vào độ tri kiến, người sống ở nơi thanh vắng luôn ái hộ Phật pháp,

在閑居者斷十二使。在閑居者念正願。

Tại nhân cư giả đoạn thập nhị sử. Tại nhân cư giả niệm chánh nguyện.

người sống ở nơi thanh vắng đoạn được mười hai kiết sử, người sống nơi thanh vắng luôn nhớ nghĩ đến nguyện chơn chánh,

在閑居者於諸法品為等。在閑居者不作疆界。

Tại nhàn cư giả ư chư Pháp phẩm vi đẳng. Tại nhàn cư giả bất tác cương giới. người sống ở nơi thanh vắng đối với các pháp là bình đẳng, người sống ở nơi thanh vắng không cần có cương giới,

在閑居者已脫諸入。在閑居者心不畏佛道。在閑居者。

Tại nhàn cư giả dĩ thoát chư nhập. Tại nhàn cư giả tâm bất úy Phật đạo. Tại nhàn cư giả.

người sống nơi thanh vắng thoát khỏi lục nhập, người sống nơi thanh vắng tâm không lo sợ Phật đạo, người sống nơi thanh vắng

於空無所觀取。在閑居者於法無所懷。

Ư không vô sở quán thủ. Tại nhàn cư giả ư Pháp vô sở hoài.

ở nơi tánh không không có chỗ chấp thủ, người sống nơi thanh vắng đối với các pháp không có chỗ hoài nghi,

在閑居者本有善德名聞。在閑居者佛所稱譽。

Tại nhàn cư giả bản hữu thiện đức Danh-Văn. Tại nhàn cư giả Phật sở xưng dự. người sống nơi thanh vắng vốn có tiếng khen về công đức lành, người sống nơi thanh vắng được đức Phật khen ngợi và

諸賢聖亦習閑居。在閑居者脫於愛欲。

Chư hiền Thánh diệc tập nhàn cư. Tại nhàn cư giả thoát ư ái dục.

chư Hiền Thánh cũng thực tập sống nơi thanh vắng, người sống nơi thanh vắng thoát khỏi mọi ái dục;

為有差特。入於一切智。

Vi hữu sai đặc. Nhập ư nhất thiết trí.

Vì có sự khác biệt, nhập vào Nhất thiết trí.

復次長者。在閑居菩薩。以少少事故。

Phục thứ Trưởng giả. Tại nhàn cư Bồ-tát. Dĩ thiểu thiểu sự cố.

Lại nữa Trưởng giả! Bồ-tát sống ở nơi thanh vắng thì nhờ sự cố nhỏ nhỏ

具足六度無極。所以者何。在閑居行不惜身命。

Cụ túc lục độ vô cực. Sở dĩ giả hà. Tại nhàn cư hành bất tích thân mạng.

làm đầy đủ Lục độ không cùng cực. Vì sao như vậy? Vì Sống nơi thanh vắng làm việc không tiếc thân mạng,

是為布施度無極。知止足寂定住起於三專。

Thị vi ô thí độ vô cực. Tri chí túc tịch định trụ khởi ư tam chuyên.

đó là Bồ thí độ vô cực. Biết đủ đối với định tịch diệt, an trú vào Tam chuyên,

是為戒度無極。無害心慈遍於一切。忍於一切智。

Thị vi giới độ vô cực. Vô hại tâm từ bi遍 ư nhất thiết. Nhẫn ư nhất thiết trí.

đó là Trì giới độ vô cực. Lòng từ vô hại bi khắp tất cả, nhẫn nhục đối với Nhất thiết trí,

不墮餘道。是為忍辱度無極。

Bất đọa dư đạo. Thị vi nhẫn nhục độ vô cực.

không đọa ác đạo, đó là nhẫn Nhục độ vô cực.

念言終不捨此空閑。得忍已乃捨。是為精進度無極。

Niệm ngôn chung bất xả thử không nhàn. Đắc nhẫn dĩ nãi xả. Thị vi tinh tấn độ vô cực.

Nghĩ rằng không bao giờ xa lìa nơi thanh vắng này, được nhẫn nhục rồi mới lìa bỏ, đó là Tinh tấn độ vô cực.

得於禪不著我。起諸德本。是為一心度無極。

Đắc ư Thiền bất trú ngã. Khởi chư đức bản. Thị vi nhất tâm độ vô cực.

Chúng đắc quả vị thiên mà không chấp ngã,

如心所念身行如是。於道亦然無所念。

Như tâm sở niệm thân hành như thị. Ư đạo diệc nhiên vô sở niệm,
tâm nghĩ thế nào thì thân làm thế đó, đối với Đạo cũng vậy không có chỗ khởi
niệm,

是為智慧度無極。

Thị vi trí tuệ độ vô cực.

đó là Trí huệ độ vô cực.

長者。在閑居菩薩有四事法。何等為四。

Trưởng giả. Tại nhàn cư Bồ-tát hữu tứ sự Pháp. Hà đẳng vi tứ.

Này Trưởng giả! Bồ-tát sống nơi thanh vắng có Bốn pháp sự. Những gì là bốn?

一者菩薩於是得多智。二者巧能分別決諸法律。

Nhất giả Bồ-tát ư thị đắc đa trí. Nhị giả xảo năng phân biệt quyết chư Pháp
luật.

Một là Bồ-tát ở nơi đó mà đắc đa trí. Hai là khéo có khả năng phân biệt quyết
đoán giới luật.

三者了諸德本。四者以是博智知。

Tam giả liễu chư đức bản. Tú giả dĩ thị bác trí tri.

Ba là hiểu rõ cội gốc của các công đức. Bốn là nhờ đó mà trí tuệ uyên bác,

一心精進住於空閑。是為四。復次長者。

Nhất tâm tinh tấn trụ ư không nhàn. Thị vi tứ. Phục thứ Trưởng giả.

nhất tâm tinh tấn an trú nơi thanh vắng. Đó là bốn việc. Lại nữa này Trưởng giả!

菩薩若多婬塵。不習於塵。爾乃住閑居。

Bồ-tát nhược đa dâm trần. Bất tập ư trần. Nhi nãi trụ nhàn cư.

Bồ-tát nếu nhiều dâm dục trần cấu, không quen với trần cấu, thì nên sống ở nơi
thanh vắng

不著於塵不受於欲。如所聞法則能奉行。

Bất trú ư trần bất thọ ư dục. Như sở văn Pháp tắc năng phụng hành.

đề không vướng mắc trần cấu, không thọ các dục lạc. Những pháp được nghe thì có
thể phụng hành.

復次長者。菩薩得五神通。

Phục thứ Trưởng giả. Bồ-tát đắc ngũ Thần thông.

Lại nữa Trưởng giả! Bồ-tát đắc năm thứ thần thông,

為諸天龍鬼神變沓說說法。在閑居當如是。

Vì chư Thiên long quỷ Thần kiền đạ hòa thuyết Pháp. Tại nhàn cư đương như thị.
vì chư Thiên, rồng, quỷ thần, kiền-đạ-hòa mà thuyết pháp; sống nơi thanh vắng
thì nên như vậy.

復次長者。菩薩當學佛法智。然後乃在空閑。

Phục thứ Trưởng giả. Bồ-tát đương học Phật Pháp trí. Nhiên hậu nãi tại không
nhàn.

Lại nữa Trưởng giả! Bồ-tát nên học trí tuệ Phật pháp. Sau đó mới sống ở nơi
thanh vắng,

用是故。得具足一切諸善本。然後持是德本。

Dụng thị cố. Đắc cụ túc nhất thiết chư thiện bản. Nhiên hậu trì thị đức bản.
vì như thế nên được đầy đủ tất cả các việc lành căn bản, về sau có được công đức
căn bản,

入諸郡國縣邑。以義度人民。

Nhập chư quận quốc huyện ấp. Dĩ nghĩa độ nhân dân.

vào các quốc gia, quận, huyện, làng xóm thì đem nhân nghĩa hóa độ nhân dân.

菩薩若欲諷誦經道故來下。審恭敬奉事師和上。

Bồ-tát nhược dục phụng tụng Kinh đạo cổ lai hạ. Thâm cung kính phụng sự sư hòa thượng.

Bồ-tát muốn đọc tụng Kinh điển cho nên đến đây thì nên biết cung kính tôn thờ bậc Hòa thượng,

長幼中年。稽首為禮。不當懈怠。於事當精進。

Trường ấu trung niên. Kê thủ vi lễ. Bất đương giải đãi. Ư sự đương tinh tấn. già, trẻ, trung niên, cúi đầu đánh lễ, không được lười biếng, đối với việc này nên tinh tấn,

不當不恭敬奉事。當作是念言。

Bất đương bất cung kính phụng sự. Đương tác thị niệm ngôn.

không nên thiếu cung kính tôn thờ. Nên nghĩ như thế này:

如來無所著等正覺。為諸天龍鬼神犍沓怱所奉事。

Như Lai vô sở trú đẳng chánh giác. Vi chư Thiên long quý Thần kiến đạ hòa sở phụng sự.

đức Như Lai Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác được chư thiên, rồng, quý thần, kiến-đạ-hòa phụng sự,

阿須倫迦留羅真陀羅摩睺勒所奉事。

A Tu Luân Ca Lưu La Chân Đà La Ma Hầu Lặc sở phụng sự.

được A-tu-luân, Ca-lưu-la, Chân-đà-la, Ma-hầu-lặc phụng sự,

為諸釋梵四王人非人所恭敬。於世為最尊。

Vi chư thích phạm tứ Vương nhân phi nhân sở cung kính. Ư thế vi tối tôn.

được các vị Đế-thích, Phạm chí, Tứ thiên vương, nhân, phi nhân cung kính. Ở thế gian làm bậc Tối tôn

令一切安隱。佛不自為身求供養。人自來供養。

Lệnh nhất thiết an ổn. Phật bất tự vi thân cầu cung dưỡng. Nhân tự lai cung dưỡng.

khiến cho tất cả được an ổn. Đức Phật không tự mình cầu cúng dường mà mọi người tự đến cúng dường,

何況我等。未有所知方欲學耳。

Hà hưởng ngã đẳng. Vị hữu sở tri phương dục học nhi.

hưởng gì chúng ta, chưa có hiểu biết chỉ là người mới học.

反欲從他人求供養。我當奉事一切人。所以者何。

Phản dục tông tha nhân cầu cung dưỡng. Ngã đương phụng sự nhất thiết nhân. Sở dĩ giả hà.

Ngược lại muốn cầu sự cúng dường từ người khác, ta nên phụng sự mọi người. Vì sao như vậy?

比丘貪求供養減其法德。所以者何。

Bì khâu tham cầu cung dưỡng giảm kỳ Pháp đức. Sở dĩ giả hà.

Tỳ-kheo mà tham cầu sự cúng dường thì công đức bị tổn giảm. Vì sao như vậy?

為他人以法施。心當念言。以供養故。來奉事我。

Vi tha nhân dĩ Pháp thí. Tâm đương niệm ngôn. Dĩ cung dưỡng cố. Lai phụng sự ngã.

Vì có người đem pháp bố thí, tâm nên nghĩ rằng: Đem sự cúng dường đó mà phụng sự ta,

不以法故。以自有信心。來供養想施。其福不大。

Bất dĩ Pháp cố. Dĩ tự hữu tín tâm. Lai cung dưỡng tưởng thí. Kỳ phúc bất đại.

đừng đem Pháp mà cúng dường. Do có niềm tin như thế, vị đó nghĩ nên đem vật đến cúng dường, phước đó không lớn,

往至師和上所。身意當俱行。身意當解了住。

Vãng chí sư Hòa thượng sở. Thân ý đương câu hành. Thân ý đương giải liễu trụ.
đến chỗ của bậc Hòa thượng, thân tâm phải nhất như. Thân tâm phải cùng trú vào
sự hiểu biết,
若念我師和上行至他處。心不樂悔。

Nhuộc niệm ngã sư hòa thượng hành chí tha xứ. Tâm bất lạc hồi.
như biết thầy ta đi đến nơi khác, lòng không yên với những lầm lỗi.

於諷誦學經智者。當為師和上。不惜身命。

Ư phúng tụng học Kinh trí giả. Đương vi sư hòa thượng. Bất tích thân mạng.
Đối với bậc trí tụng đọc kinh điển thì nên vì thầy mà không tiếc thân mạng,
當樂法故。便當隨師和上行。用法故利。

Đương lạc Pháp cố. Tiệm đương tùy sư hòa thượng hành. Dụng Pháp cố lợi.
nên vui với Pháp, nên đi theo thầy. Nhờ với Pháp đó có lợi

當捨一切財利之色。於師和上。

Đương xả nhất thiết tài lợi chi sắc. Ư sư hòa thượng.
nên xả tất cả tài lợi. Đối với thầy,

歡喜聞一四句偈。若諷誦若布施行事。

Hoan hỉ văn nhất tứ cú kệ. Nhuộc phúng tụng nhuộc bố thí hành sự.
vui vẻ nghe bốn câu kệ, hoặc đọc tụng hoặc làm việc bố thí,

持戒忍辱精進一心事。若智慧事。若慈悲喜護事。

Trì giới nhẫn nhục tinh tấn nhất tâm sự. Nhuộc trí tuệ sự. Nhuộc từ bi hỷ hộ sự.
trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, nhất tâm, hoặc trí huệ, hoặc từ bi, hoặc vui vẻ
hộ trì,

一心起習佛道事。聞四句偈若諷誦。當供養師和上。

Nhất tâm khởi tập Phật đạo sự. Văn tứ cú kệ nhuộc phúng tụng. Đương cung dưỡng
sư hòa thượng.

nhất tâm phát khởi việc học Phật đạo. Nghe bốn câu kệ nếu phúng tụng thì nên
cúng dường thầy,

在所從受字句義。所受諷誦。

Tại sở tông thọ tự cú nghĩa. Sở thọ phúng tụng.
theo chỗ đó mà thọ nhận văn tự chữ nghĩa. Ở chỗ đọc tụng thì

當以直心無有諛諂。用一切萬物供養。尚未報師恩。

Đương dĩ trực tâm vô hữu du siểm. Dụng nhất thiết vạn vật cung dưỡng. Thượng vị
báo sư ân.

nên đem tâm ngay thẳng không có siểm nịnh. Vì tất cả vạn vật mà cúng dường, còn
chưa báo được ân thầy

何況以法供養。長者。若意聞所傳說。若善音。

Hà huống dĩ Pháp cung dưỡng. Trưởng giả. Nhuộc ý văn sở truyện thuyết. Nhuộc
Thiện Âm.

huống gì đem Pháp cúng dường. Này Trưởng giả! Hoặc ý nghe truyền thuyết, hoặc âm
thanh hay,

佛法音。寂滅音。如教音。聞說如來音。

Phật Pháp âm. Tịch diệt âm. Như giáo âm. Văn thuyết Như Lai âm.
hoặc Phật pháp âm, tịch diệt âm, giáo pháp âm, nghe âm thanh của Như Lai thuyết,
當供事師一劫。尚未具足報師恩。佛言長者。

Đương cung sự sư nhất kiếp. Thượng vị cụ túc báo sư ân. Phật ngôn Trưởng giả.
nên cúng dường thầy trọn kiếp, còn chưa báo đáp đầy đủ ân thầy. Phật dạy Trưởng
giả:

以是故說法之福無有量。其智慧不可限。

Dĩ thị cố thuyết Pháp chi phúc vô hữu lượng. Kỳ trí tuệ bất khả hạn.

Đem phước thuyết pháp đó mà tính thì không hạn lượng. Trí huệ cũng không tính kể được,

住於尊法亦無數。其有菩薩欲供養無量法。

Trụ ở tôn Pháp diệc vô số. Kỳ hữu Bồ-tát dục cung dưỡng vô lượng Pháp. an trú vào các pháp tôn kính cũng vô số. Có Bồ-tát muốn cúng dường vô lượng pháp,

當供養出家菩薩。何等為出家之學。如其所聞法便行。

Đương cung dưỡng xuất gia Bồ-tát. Hà đẳng vi xuất gia chi học. Như kỳ sở văn Pháp tiện hành.

nên cúng dường Bồ-tát xuất gia. Những gì là sở học của người xuất gia? Như những pháp đã nghe mà thực hành,

當審諦清淨其戒品。

Đương thẩm để thanh tịnh kỳ giới phẩm.

nên xét như thật để thanh tịnh giới phẩm của mình.

佛言長者。出家菩薩有四事法戒品清淨。

Phật ngôn Trưởng giả. Xuất gia Bồ-tát hữu tứ sự Pháp giới phẩm thanh tịnh.

Phật dạy Trưởng giả: Bồ-tát xuất gia có bốn pháp để giới phẩm thanh tịnh.

何等為四。一者住於賢聖之教。

Hà đẳng vi tứ. Nhất giả trụ ở hiền Thánh chi giáo.

Những gì là bốn? Một là an trú vào lời dạy của các bậc Hiền Thánh.

二者分衛以德樂知知足。三者出家菩薩不樂於家。

Nhị giả phân vệ dĩ đức lạc tri chí túc. Tam giả xuất gia Bồ-tát bất lạc ở gia.

Hai là khát thực nên an trú vào đức biết đủ. Ba là Bồ-tát xuất gia không thích ở nhà.

四者不習戒亦無諂偽在閑居。是為四。復有四。

Tứ giả bất tập giới diệc vô siểm ngụy tại nhàn cư. Thị vi tứ. Phục hữu tứ.

Bốn là thực tập giới cũng không siểm trá tại nơi thanh vắng. Đó là bốn. Lại có bốn pháp khác.

何等為四。一者身所行至誠。身亦無所得。

Hà đẳng vi tứ. Nhất giả thân sở hạnh chí thành. Thân diệc vô sở đắc.

Những gì là bốn? Một là thân làm những việc chí thành, thân cũng không có chỗ sở đắc.

二者口所言至誠。口亦無所得。

Nhị giả khẩu sở ngôn chí thành. Khẩu diệc vô sở đắc.

Hai là miệng nói những lời chí thành, miệng cũng không có chỗ sở đắc.

三者意所念柔軟。意亦無所得。四者遠離諸所見。

Tam giả ý sở niệm nhu nhuỷễn. Ý diệc vô sở đắc. Tứ giả viễn li chư sở kiến.

Ba là ý nghĩ những điều nhu nhuỷễn, ý cũng không có chỗ sở đắc,

住於一切智。是為四事。復有四。何等為四。

Trụ ở nhất thiết trí. Thị vi tứ sự. Phục hữu tứ. Hà đẳng vi tứ.

An trú trong Nhất thiết trí. Đó là bốn pháp. Lại có bốn pháp khác. Những gì là bốn?

一者棄我事。二者遠吾事。三者斷自在。

Nhất giả khí ngã sự. Nhị giả viễn ngô sự. Tam giả đoạn tự-tại.

Một là xả bỏ việc của ta. Hai là xa lìa việc của ta. Ba là đoạn tự tại.

四者捨因緣法。是為四。復有四。何等為四。

Tứ giả xả nhân duyên Pháp. Thị vi tứ. Phục hữu tứ. Hà đẳng vi tứ.

Bốn là xả bỏ các pháp nhân duyên. Đó là bốn pháp. Lại có bốn pháp khác. Những gì là bốn?

一者我身與法一也。二者諸種與法種等。

Nhất giả ngã thân dữ Pháp nhất dã. Nhị giả chu chủng dữ Pháp chủng đẳng.
Một là thân ta cùng với các pháp đồng nhất. Hai là các chủng loại khác cùng với pháp bình đẳng.

三者諸入為與空聚等。四者得智慧行適無所居。是為四。

Tam giả chu nhập vi dữ không tụ đẳng. Tú giả đắc trí tuệ hành thích vô sở
cư. Thị vi tú.

Ba là các nhập cùng bình đẳng hợp với tánh không. Bốn là đắc trí tuệ việc làm
không có chỗ trú. Đó là bốn việc.

復有四。何等為四。一者身所知身自作。

Phục hữu tú. Hà đẳng vi tú. Nhất giả thân sở tri thân tụ tác.

Lại có bốn việc khác. Những gì là bốn? Một là những gì thân biết là những gì
thân làm.

二者不為人所動。三者不入人罪法。滅於諸念。

Nhị giả bất vi nhân sở động. Tam giả bất nhập nhân tội Pháp. Diệt ư chu niệm.
Hai là không vì người mà động. Ba là không dựa vào tội lỗi của người, diệt hết
các niệm.

四者奉一切法。審諦無有異。是為四。復有四。

Tú giả phụng nhất thiết Pháp. Thâm đế vô hữu dị. Thị vi tú. Phục hữu tú.

Bốn là phụng trì tất cả pháp, xét rõ sự thật không có chỗ sai biệt. Đó là bốn
pháp. Lại có bốn pháp khác.

何等為四。一者以脫於空。二者無想無恐懼。

Hà đẳng vi tú. Nhất giả dĩ thoát ư không. Nhị giả vô tưởng vô khủng cụ.

Những gì là bốn? Một là giải thoát đối với không tánh. Hai là không khởi tưởng,
không lo sợ.

三者為一切大哀。四者得無我忍。是為四。

Tam giả vi nhất thiết Đại ai. Tú giả đắc vô ngã nhẫn. Thị vi tú.

Ba là vì tất cả khởi lòng đại bi. Bốn là chứng được nhẫn Vô ngã. Đó là bốn pháp.

彼若聞清淨三昧。當作是念言。

Bỉ nhược văn thanh tịnh tam muội. Đương tác thị niệm ngôn.

Người kia hoặc nghe tam muội thanh tịnh. Nên nghĩ như thế này:

何等為清淨三昧。奉一切法。意捨欲及我所。其心為一。

Hà đẳng vi thanh tịnh tam muội. Phụng nhất thiết Pháp. Ý xả dục cập ngã sở. Kỳ
tâm vi nhất.

Những gì là thanh tịnh tam muội? Phụng trì tất cả pháp, ý xa lìa dục và ngã sở,
Tâm chỉ là một.

其心無所流。心無所輕。戲以縛縛意。

Kỳ tâm vô sở lưu. Tâm vô sở khinh. Hí dĩ phục phục ý.

Tâm không lưu chuyển, tâm không phải nhẹ nhàng, giỡn cười là ý trói buộc,

心無所著心不可見。心於內現。意之境無有習會。

Tâm vô sở trú tâm bất khả kiến. Tâm ư nội hiện. Ý chi cảnh giới vô hữu tập hội.
tâm không chỗ sở trước tâm không có thể thấy, tâm hiện ở bên trong. Cảnh giới
của ý không có chỗ tụ tập.

意於我法為何等念。

Ý ư ngã Pháp vi hà đẳng niệm.

Ý đối với Ngã, Pháp khởi lên những niệm gì,

等於法界無有生無有行。內外無所著正受。是謂為三昧。

Đẳng ư Pháp giới vô hữu sanh vô hữu hành. Nội ngoại vô sở trú chánh thọ. Thị vi
vi tam muội.

bình đẳng đối với pháp giới không có sanh ra không có lưu chuyển. Trong ngoài
không vướng mắc Thiên định, đó gọi là Tam muội,

是謂住法三昧。彼若聞審諦智慧清淨。

Thị vị trụ Pháp tam muội. Bì nhược văn thâm đề trí tuệ thanh tịnh.

đó gọi là an trú vào pháp Tam muội. Người kia hoặc nghe và xét kĩ trí huệ thanh tịnh,

便當作是念言。何等為智慧。

Tiện đương tác thị niệm ngôn. Hà đẳng vi trí tuệ.

Liên nghĩ thế này: Những gì là trí tuệ?

謂解於法句分別智慧為慧。入於解點為慧。

Vị giải u Pháp cú phân biệt trí tuệ vi tuệ. Nhập u giải hiệt vi tuệ.

Nghĩa là hiểu biết đối với câu pháp, phân biệt rõ trí huệ là tuệ, nhập vào những hiểu biết trong sáng là tuệ.

知他人之心之所念解法為慧。於法正受。彼於智無智。於相無身為空。

Tri tha nhân tâm chi sở niệm giải Pháp vi tuệ. Ư Pháp chánh thọ. Bì u trí vô trí. Ư tướng vô thân vi không.

Biết những suy nghĩ trong tâm người khác, hiểu rõ pháp là tuệ. Đối với pháp thiền định, người kia đối với trí vô trí, đối với không thân là không, 相無有持亦無有捨。

Tướng vô hữu trì diệc vô hữu xả.

không có giữ cũng không có xả,

相無有處無央數相所念為空。

Tướng vô hữu xử vô ương số tướng sở niệm vi không.

tướng không nơi chốn, không có ở giữa chỗ niệm là không.

佛言長者。觀法當如是。是為出家菩薩行。

Phật ngôn Trưởng giả. Quán Pháp đương như thị. Thị vi xuất gia Bồ-tát hành.

Phật dạy Trưởng giả: Quán các pháp phải như vậy. Đó là hạnh của Bồ-tát xuất gia.

佛說是經時。八千人發大道意。

Phật thuyết thị Kinh thời. Bát thiên nhân phát Đại đạo ý.

Lúc Phật thuyết kinh này, có tám ngàn người phát tâm Đại thừa.

此諸長者出家下鬚髮者。皆得不起法忍。

Thử chư Trưởng giả xuất gia hạ tu phát giả. Giai đắc bất khởi Pháp nhẫn.

Các vị Trưởng giả này thế phát xuất gia, đều đắc Vô sanh pháp nhẫn.

三萬二千天及人遠塵離垢。於諸法中得法眼淨。

Tam vạn nhị thiên thiên cập nhân viễn trần ly cấu. Ư chư Pháp trung đắc Pháp nhãn tịnh.

Ba vạn hai ngàn trời và người xa lìa cấu uế. Ở trong các pháp chứng được pháp nhãn thanh tịnh.

二百比丘得無起餘漏盡意解。郁迦長者歡喜踊躍。

Nhị bách bi khâu đắc vô khởi dư lậu tận ý giải. Úc-ca Trưởng giả hoan hỉ dũng được.

Hai trăm Tỳ-kheo chứng quả vô lậu. Trưởng giả Úc-ca vui mừng hớn hở

以殊異衣其價百千。用上如來說言。

Dĩ thù dị y kỳ giá bách thiên. Dụng thượng Như Lai thuyết thị ngôn.

đem y phục đặc biệt giá trị trăm ngàn lần dâng lên đức Như Lai và thưa rằng:

我持是善本功德。施於一切菩薩。

Ngã trì thị thiện bản công đức. Thí u nhất thiết Bồ-tát.

Con đem công đức thiện này, bố thí cho tất cả Bồ-tát,

令是功德歸流諸居家菩薩。皆令具足此法如如來。

Lệnh thị công đức quy lưu chư cư gia Bồ-tát. Giai lệnh cụ túc thử Pháp như Như Lai.

khiến công đức này lưu khắp các Bồ-tát tại gia đều được đầy đủ các pháp này
giống như Như Lai,
令出家菩薩得戒智慧具足此法。

Lệnh xuất gia Bồ-tát đặc giới trí tuệ cụ túc thù Pháp.
khiến Bồ-tát xuất gia chứng đắc trí tuệ giới, đầy đủ pháp này.

願令出家菩薩得戒智慧猶如如來。唯然世尊。云何居家菩薩。

Nguyện lệnh xuất gia Bồ-tát đặc giới trí tuệ do như Như Lai. Duy nhiên Thế
tôn. Vân hà cư gia Bồ-tát.

Nguyện khiến cho Bồ-tát xuất gia đắc trí tuệ giới như đức Như Lai. Cúi xin Thế-
tôn dạy cho con rõ thế nào là Bồ-tát tại gia,

在所居住。學具足出家戒法。佛告長者。

Tại sở cư trụ. Học cụ túc xuất gia giới Pháp. Phật cáo Trưởng giả.

trú tại chỗ nào để học đầy đủ giới pháp của người xuất gia? Phật dạy Trưởng giả:
居家菩薩。布施一切無所愛惜。

Cư gia Bồ-tát. Bồ thí nhất thiết vô sở ái tích.

Bồ-tát tại gia, bồ thí tất cả không có gì luyến tiếc,

其心常志大乘不望其報。

Kỳ tâm thường chí Đại thừa bất vọng kỳ báo.

tâm thường hướng đến Đại thừa không mong cầu sự đền đáp.

復次長者。居家菩薩。當淨修梵行。

Phục thứ Trưởng giả. Cư gia Bồ-tát. Đương tịnh tu phạm hạnh.

Lại nữa này Trưởng giả! Bồ-tát tại gia, phải tịnh tu phạm hạnh,

心不念習婬欲。何況受。

Tâm bất niệm tập dâm dục. Hà huống thọ.

tâm không nghĩ đến việc dâm dục, huống gì làm sự dâm dục.

復次長者。居家菩薩。

Phục thứ Trưởng giả. Cư gia Bồ-tát.

Lại nữa, này Trưởng giả! Bồ-tát tại gia

解空事入四禪以善權行求無恃者令志寂滅。

Giải không sự nhập tứ Thiền dĩ thiện quyền hành cầu vô thị giả lệnh chí tịch
diệt。

hiểu rõ tánh không chứng được Tứ thiền dùng phương tiện khéo léo, cầu không có
chỗ chấp khiến ý chí tịch diệt.

復次長者。居家菩薩。

Phục thứ Trưởng giả. Cư gia Bồ-tát.

Lại nữa này Trưởng giả! Bồ-tát tại gia

當大精進解智慧度無極。於一切仗大慈受一切法。

Đương Đại tinh tấn giải trí tuệ độ vô cực. Ư nhất thiết trọng Đại từ thọ nhất
thiết Pháp。

nên phát đại tinh tấn hiểu rõ trí tuệ vô cực, đối với những bậc Đại từ để thọ
tất cả Pháp,

當擁護以法教化人。

Đương ủng hộ dĩ Pháp giáo hóa nhân.

phải nên ủng hộ đem pháp giáo hóa người.

是為四事行居家菩薩在家立出家戒法。爾時郁迦長者白佛言。世尊。

Thị vi tứ sự hành cư gia Bồ-tát tại gia lập xuất gia giới Pháp. Nhĩ thời Úc-ca
Trưởng giả bạch Phật ngôn. Thế tôn。

Đó là bốn việc của Bồ-tát tại gia sống tại nhà mà lập giới pháp của người xuất
gia. Lúc bấy giờ Trưởng giả Úc-ca bạch Phật rằng: Bạch Thế-tôn,

我獨立居家地。當住於如來教戒。

Ngã độc lập cư gia địa. Đương trụ ư Như Lai giáo giới.

con sống một mình tại nhà, con sẽ an trú vào lời dạy của Như Lai,

我當為如來廣達佛道。亦當學是出家之法。

Ngã đương vi Như Lai quảng đạt Phật đạo. Diệc đương học thị xuất gia chi Pháp.

con sẽ vì Như Lai truyền bá Phật đạo, cũng sẽ học pháp xuất gia này,

當復奉行是法禁。時佛便笑。諸佛世尊之法。

Đương phục phụng hành thị Pháp cấm. Thời Phật tiện tiếu. Chư Phật Thế tôn chi

Pháp.

lại sẽ phụng hành giới cấm này. Lúc ấy đức Phật mỉm cười, Pháp của các bậc Như Lai,

笑時有無數色種種色不可思議色。從口中照無量佛國。

Tiểu thời hữu vô số sắc chủng chủng sắc bất khả tư nghị sắc. Tông khẩu trung

chiếu vô lượng Phật quốc.

lúc mỉm cười có đủ các loại màu sắc không thể luận bàn được, từ trong miệng phóng ra chiếu khắp vô số cõi nước,

上至梵天還繞佛身。於頂上霍然不現。

Thượng chí Phạm Thiên hoàn nhiều Phật thân. Ư đỉnh thượng hoặc nhiên bất hiện.

lên đến trời Phạm thiên rồi trở về thân Phật vào nơi đỉnh đầu thì thoát nhiên không hiện nữa.

賢者阿難。從坐起白佛言。佛不妄笑。願聞其意。

Hiền giả A Nan. Tùng tọa khởi bạch Phật ngôn. Phật bất vọng tiếu. Nguyên văn kỳ ý.

Hiền giả A-nan từ chỗ ngồi đứng dậy Bạch Phật rằng: Đức Phật không ngừng cười, con nguyện được biết điều ấy.

佛告阿難。

Phật cáo A Nan.

Phật dạy A-nan,

汝見郁迦長者用法故供養於如來復作師子吼不。阿難。唯然世尊。

Nhữ kiến Úc-ca Trường giả dụng Pháp cố cung dưỡng ư Như Lai phục tác Sư-tử hồng

bất. A Nan. Duy nhiên Thế tôn.

ông có thấy Trường giả Úc-ca vì pháp cho nên cúng dường Như Lai lại muốn rống lên tiếng rống Sư tử không A-nan? Dạ bạch Thế-tôn:

我今已見。佛言阿難。是郁迦長者。住於居家地。

Ngã kim dĩ kiến. Phật ngôn A Nan. Thị Úc-ca Trường giả. Trụ ư cư gia địa.

Nay con đã thấy. Phật dạy A-nan: Trường giả Úc-ca này sống đời tại gia,

於是賢劫諸有如來。皆當供養受其法教。

Ư thị hiền kiếp chư hữu Như Lai. Giai đương cung dưỡng thọ kỳ Pháp giáo.

ở nơi vô lượng kiếp có Như Lai, đều sẽ cúng dường và thọ trì giáo pháp,

居在家居。具足出家戒法。

Cư tại gia cư. Cụ túc xuất gia giới Pháp.

sống cuộc đời cư sĩ nhưng đầy đủ giới pháp xuất gia

是時為諸如來普宣佛道。於是阿難問郁迦長者。

Thị thời vi chư Như Lai phổ tuyên Phật đạo. Ư thị A Nan văn Úc-ca Trường giả.

nay vì chư Như Lai rộng truyền Phật đạo. Lúc đó Ngài A-nan hỏi Trường giả Úc-ca: 用是居家為樂。居家為垢。居家不如出家受聖賢教法。

Dụng thị cư gia vi lạc. Cư gia vi cấu. Cư gia bất như xuất gia thọ Thánh hiền

giáo Pháp.

Thế nào là sống tại gia mà được vui, sống tại gia mà bị cấu nhiễm, sống tại gia không bằng xuất gia thọ nhận giáo pháp của Thánh Hiền?

郁迦答曰。阿難且止。勿作是語云。

Úc-ca đáp viết. A Nan thà chi. Vật tác thị ngũ vân.
Trưởng giả Úc-ca đáp rằng: Ngài A-nan nên dừng ngay, chớ nên nói như vậy.
諸賢聖亦無垢染。有大哀解脫。不念自安。
Chư hiền Thánh diệc vô cầu nhiễm. Hữu Đại ai giải thoát. Bất niệm tự an.
Các bậc Hiền Thánh cũng không còn cầu nhiễm, có lòng đại bi giải thoát, không nghĩ đến việc an ổn bản thân.
諸菩薩忍諸苦。不捨一切人。佛言阿難。是郁迦長者。
Chư Bồ-tát nhẫn chư khổ. Bất xả nhất thiết nhân. Phật ngôn A Nan. Thị Úc-ca Trưởng giả.
Các vị Bồ-tát nhẫn nhục mọi sự khổ, không xa lìa mọi người. Phật dạy A-nan: Trưởng giả Úc-ca,
雖住居家地常有等心。
Tuy trụ cư gia địa thường hữu đẳng tâm.
tuy sống đời cư sĩ nhưng thường có tâm bình đẳng,
於是賢劫所度人民甚多。勝餘出家菩薩百千人教授。所以者何。
於是賢劫所度人民甚多. 勝餘出家菩薩百千人教授. 所以者何.
Ư thị hiền kiếp sở độ nhân dân thậm đa. Thắng dư xuất gia Bồ-tát bách thiên nhân giáo thọ. Sở dĩ giả hà.
ở nơi vô lượng kiếp đã độ rất nhiều người, hơn các vị Bồ-tát xuất gia dạy dỗ trăm ngàn người.
阿難。雖有出家菩薩百千人。
阿難. 雖有出家菩薩百千人.
A Nan. Tuy hữu xuất gia Bồ-tát bách thiên nhân.
Này A-nan. Tuy có Bồ-tát xuất gia dạy dỗ trăm ngàn người,
其德之智不及郁迦長者。阿難白佛言。是名為何等經。
其德之智不及郁迦長者. 阿難白佛言. 是名為何等經.
Kỳ đức chi trí bất cập Úc-ca Trưởng giả. A Nan bạch Phật ngôn. Thị danh vi hà đẳng Kinh.
nhưng cái trí của công đức đó không bằng Trưởng giả Úc-ca. Ngài A-nan bạch Phật rằng: Kinh này tên gọi là gì?
云何持名。佛言阿難。是經一名郁迦長者所問。
云何持名. 佛言阿難. 是經一名郁迦長者所問.
Vân hà trì danh. Phật ngôn A Nan. Thị Kinh nhất danh Úc-ca Trưởng giả sở vấn.
Làm thế nào để phụng trì? Phật dạy A-nan: Kinh này gọi là Trưởng giả Úc-ca Sở Vấn,
汝當受持。二名居家出家品。
汝當受持. 二名居家出家品.
Nhữ đương thọ trì. Nhị danh cư gia xuất gia phẩm.
ông nên thọ trì. Tên thứ hai là Cư Gia Xuất Gia Phẩm.
三名持一心宴坐其德名聞。佛言阿難。若有菩薩聞是經。
三名持一心宴坐其德名聞. 佛言阿難. 若有菩薩聞是經.
Tam danh trì nhất tâm yên tọa kỳ đức Danh-Văn. Phật ngôn A Nan. Nhược hữu Bồ-tát văn thị Kinh.
Tên thứ ba là Trì Nhất Tâm Yên Tọa Kỳ Đức Danh Văn. Phật dạy A-nan: Nếu có Bồ-tát nghe được kinh này
為具足諸法。勝於百劫修梵清淨懈廢之行。
為具足諸法. 勝於百劫修梵清淨懈廢之行.
Vi cụ túc chư Pháp. Thắng ư bách kiếp tu phạm thanh tịnh giải phê chi hành. sẽ đầy đủ các pháp, thì hơn cả trăm ngàn kiếp tu phạm hạnh, vứt bỏ các hạnh giải đãi
是故阿難。欲作大精進者。
是故阿難. 欲作大精進者.
Thị cố A Nan. Dục tác đại tinh tấn giả.
cho nên A-nan, muốn khởi đại tinh tấn,
及欲教他人精進者。自欲住於一切法德者。
及欲教他人精進者. 自欲住於一切法德者.
Cập dục giáo tha nhân tinh tấn giả. Tự dục trụ ư nhất thiết Pháp đức giả.
và dạy người khác tinh tấn, tự mình muốn an trú vào tất cả công đức,
及欲立一切於法德者。當聞是經。當受持諷誦。所以者何。

Cập dục lập nhất thiết ư Pháp đức giả. Đương văn thị Kinh. Đương thọ trì phúng tụng. Sở dĩ giả hà.

và muốn lập tất cả nguyện đối với công đức, thì nên nghe Kinh này, nên thọ trì đọc tụng. Vì sao như vậy?

欲具足一切法。當視是經法與如來等。阿難。

Dục cụ túc nhất thiết Pháp. Đương thị thị Kinh Pháp dữ Như Lai đẳng. A Nan. Vì muốn đầy đủ tất cả pháp, nên xem Kinh này bình đẳng với Như Lai vậy. Này A-nan,

其有菩薩遠離是經者。則為遠離一切諸佛。

Kỳ hữu Bồ-tát viễn li thị Kinh giả. Tắc vi viễn li nhất thiết chư Phật.

có Bồ-tát nào xa lìa kinh này thì xa lìa tất cả chư Phật vậy,

不得復見一切諸佛。所以者何。

Bất đắc phục kiến nhất thiết chư Phật. Sở dĩ giả hà.

không bao giờ thấy được tất cả chư Phật. Vì sao như vậy?

其有說是經者。則為面見一切諸佛。阿難。

Kỳ hữu thuyết thị Kinh giả. Tắc vi diện kiến nhất thiết chư Phật. A Nan.

Vì có người thuyết kinh này, thì gặp tất cả chư Phật. Này A-nan,

政使是三千大千世界滿其中火。菩薩便當入過其中。

Chánh sử thị tam Thiên Đại Thiên thế giới mãn kỳ trung hỏa. Bồ-tát tiện đương nhập quá kỳ trung.

như khiến cho lửa đầy trong Tam thiên Đại thiên thế giới, Bồ-tát liền nên đi vào trong đó,

求聞是法受持諷誦。

Cầu văn thị Pháp thọ trì phúng tụng.

đề cầu nghe Pháp ấy rồi thọ trì đọc tụng,

當以諸寶滿三千大千世界。用供養師。受是經法持諷誦讀。阿難。

Đương dĩ chư bảo mãn tam Thiên Đại Thiên thế giới. Dụng cung dưỡng sư. Thọ thị Kinh Pháp trì phúng tụng đọc. A Nan.

nên đem các vật báu đầy cả Tam thiên Đại thiên thế giới, cúng dường Thầy, thọ trì tụng đọc Kinh này. Này A-nan!

若有菩薩。供養過去當來今現在諸佛世尊。

Nhược hữu Bồ-tát. Cung dưỡng quá khứ đương lai kim hiện tại chư Phật Thế tôn.

Hoặc có Bồ-tát, cúng dường chư Phật Thế-tôn trong quá khứ, hiện tại, vị lai 盡其形壽。供養爾所佛已。不受是經法不能諷誦。

Tận kỳ hình thọ. Cung dưỡng nhĩ sở Phật dĩ. Bất thọ thị Kinh Pháp bất năng phúng tụng.

đem hết thân mạng, cúng dường đức Phật đó rồi nhưng không thọ trì Kinh này và cũng không tụng đọc,

亦不於中作諸功德。為不供養去來今佛。

Diệc bất ư trung tác chư công đức. Vi bất cung dưỡng quá khứ lai kim Phật.

cũng không ở trong đó làm các công đức, là không cúng dường chư Phật trong quá khứ, hiện tại, vị lai.

阿難。若復有人聞是經典。

A Nan. Nhược phục hữu nhân văn thị Kinh điển.

Này A-nan. Nếu lại có người nghe Kinh này,

受持諷誦廣為人說。於中作諸功德。為已供養去來今佛。

Thọ trì phúng tụng quảng vi nhân thuyết. Ư trung tác chư công đức. Vi dĩ cung dưỡng quá khứ lai kim Phật.

thọ trì đọc tụng, vì người khác giảng nói, ở trong đó trồng các công đức, là đã cúng dường chư Phật trong quá khứ, hiện tại, vị lai.

所以者何。諸如來無所著等正覺。以法為上。

Sở dĩ giả hà. Chư Như Lai vô sở trú đẳng chánh giác. Dĩ Pháp vi thượng.
Vì sao như vậy? Vì các đức Như Lai Vô Sở Trú Đẳng Chánh Giác lấy pháp làm tối
thượng,

為從法生。佛說如是。賢者阿難。

Vi tòng Pháp sanh. Phật thuyết như thị. Hiền giả A Nan.

vì từ pháp mà sanh. Phật dạy như thế, hiền giả A-nan,

及郁迦長者諸天阿須倫世間人民。聞經歡喜。

Cập Úc-ca Trưởng giả chư Thiên a tu luân thế gian nhân dân. Văn Kinh hoan hỷ.

và Trưởng giả Úc-ca, chư thiên, A-tu-luân, nhân dân thế gian, nghe kinh hoan hỷ
皆前為佛作禮而去。

Giai tiền vi Phật tác lễ nhi khứ.

đều đến trước Phật đánh lễ mà lui.

郁迦羅越問菩薩行經

Úc-ca la việt vấn Bồ-tát hành Kinh

Kinh Úc-ca-la-việt Vấn Bồ-tát Hạnh

=====

TUỆ QUANG 慧光 FOUNDATION <http://www.daitangvietnam.com>

Nguyễn Tánh Trần Tiến Khanh & Nguyễn Hiền Trần Tiến Huyền Phiên Âm và Lược Dịch
Sun Apr 30 21:48:05 2006

Thích Nữ Hạnh Giải hiệu đính lần 1. Ngộ Tùng lần 2.

=====